



BẢN TIN

KHOA HỌC & CÔNG NGHỆ

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH AN GIANG

ISSN 1859 - 0268

SỐ 01/2022



Mừng xuân Nhâm Dần
2022

- Tháng 01/2022 -



SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

An Giang, ngày 20 tháng 01 năm 2022

Thư cảm ơn

Lời đầu tiên, thay mặt Sở Khoa học và Công nghệ An Giang, Ban biên tập Bản tin Khoa học và Công nghệ, xin gửi đến Quý cộng tác viên, độc giả là các cơ quan, đoàn thể tỉnh, các tổ chức khoa học và công nghệ, các viện nghiên cứu, các trường đại học, các trung tâm, các hiệp hội khoa học, các nhà khoa học trong và ngoài tỉnh,... lời cảm ơn chân thành và sâu sắc nhất. Xin tri ân lòng tin và sự ủng hộ, quan tâm, hợp tác, đồng hành với Bản tin trong suốt thời gian vừa qua.

Năm 2021, trước nhiều khó khăn và thách thức do dịch bệnh, được sự quan tâm tận tình của Quý cộng tác viên, độc giả, Bản tin khoa học và công nghệ đã hoàn thành kế hoạch xuất bản 6/6 kỳ, trong đó có một kỳ đặc biệt “Kỷ niệm 35 năm thành lập Ngành Khoa học và Công nghệ tỉnh An Giang”. Trong năm qua Bản tin đã thực hiện tốt nhiệm vụ thông tin tuyên truyền phổ biến chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về khoa học, công nghệ, các biện pháp phát triển ứng dụng khoa học và công nghệ. Giới thiệu, trao đổi các kết quả nghiên cứu, ứng dụng các thành tựu khoa học và công nghệ trong nước và quốc tế góp phần vào việc thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Qua đó, Bản tin cũng nhận được nhiều ý kiến góp ý của độc giả như thêm mục “vấn đáp, giải đáp ý kiến”, mục “Công nghệ mới”, giới thiệu mô hình ứng dụng công nghệ hiệu quả tại các địa phương, tăng cường bài viết cộng tác viên cấp huyện,... những nội dung này Ban biên tập sẽ nghiên cứu bổ sung vào Bản tin trong năm 2022 và những năm tiếp theo.

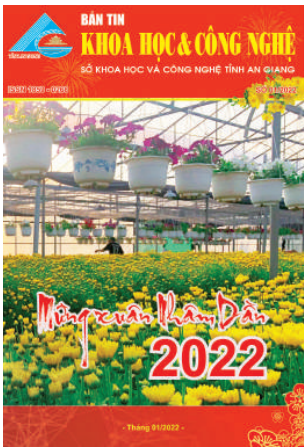
Trong thời gian tới, Sở Khoa học và Công nghệ An Giang, Ban biên tập Bản tin Khoa học và Công nghệ cam kết sẽ tiếp tục nâng cao chất lượng Bản tin để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của độc giả. Để thực hiện được điều này cần sự góp sức của Quý cộng tác viên là nhà khoa học, nhà quản lý, các tổ chức, cá nhân cung cấp những bài viết có chất lượng để Ban biên tập cung cấp tới độc giả. Ban biên tập mong muốn tiếp tục nhận được sự quan tâm, ủng hộ tích cực của Quý cộng tác viên, độc giả để có thể cùng nhau phát triển bền lâu và vững mạnh.

Trước thềm năm mới, Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh An Giang kính chúc quý vị một năm mới “**Sức khỏe - Thành công - Hạnh Phúc**”!

GIÁM ĐỐC



Tang Phú An
CHỊU TRÁCH NHIỆM XUẤT BẢN
BẢN TIN KH&CN AN GIANG

**ISSN 1859 - 0268**

Chịu trách nhiệm xuất bản:

ThS. TÀNG PHÚ AN

Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ

Trưởng Ban biên tập:

ThS. PHAN VĂN KIẾN

Phó Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ

Phó Trưởng Ban biên tập:

ThS. TRẦN PHÚ VINH

Thư ký:

KS. HÀ THỊ MỸ TRANG

Biên tập viên:

ThS. ĐẶNG THỊ TIẾP THU**ThS. TRẦN NGỌC PHƯƠNG ANH****KS. TRƯƠNG BẢO QUỐC****KS. TRƯƠNG TUẤN KIỆT**

Trình bày

NGÔ THỊ XUÂN

Ảnh bìa

MINH TRANG**VĂN BẢN - CHÍNH SÁCH**

1. Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức triển khai Kế hoạch phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội trong điều kiện phòng, chống dịch COVID-19 tỉnh An Giang 2
2. Quyết định ban hành danh mục sản phẩm nông nghiệp chủ lực cấp tỉnh giai đoạn 2021 - 2025 4

KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO

3. Kết quả triển khai nhãn hiệu chứng nhận An Giang từ năm 2016 - 2020 5
4. Kết quả triển khai nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở trên địa bàn tỉnh An Giang giai đoạn 2010 - 2020, một số định hướng trong thời gian tới 9
5. Kết quả hoạt động quản lý nhà nước về tiêu chuẩn đo lường chất lượng năm 2021 14
6. Nghiên cứu nâng cao chuỗi giá trị cá lóc thương phẩm tỉnh An Giang đạt tiêu chuẩn VietGAP 18
7. Kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh "Nghiên cứu cải thiện quy trình kỹ thuật nuôi cá rô phi, điều hồng để nâng cao hiệu quả kinh tế, giảm giá thành sản phẩm" 21
8. Xây dựng mô hình sản xuất thực nghiệm sản phẩm chả cá lóc theo hướng vệ sinh an toàn thực phẩm tại thành phố Châu Đốc 24
9. Một số quy trình công nghệ có thể chuyển giao của Trung tâm Công nghệ sinh học tỉnh An Giang 26
10. Một số quy trình công nghệ có thể chuyển giao của Trung tâm Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ An Giang 27
11. Phân lập và tuyển chọn dòng vi khuẩn có khả năng sinh hoạt tính diệt sâu 28
12. Kết quả xây dựng, áp dụng, duy trì và cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 trong năm 2021 trên địa bàn tỉnh An Giang 33
13. Một số kết quả thực hiện Chiến lược sở hữu trí tuệ năm 2021 36
14. Kết quả năm 2021 triển khai Nghị quyết 120/NQ-CP ngày 07/11/2017 của Chính phủ về phát triển bền vững ĐBSCL thích ứng với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh An Giang - lĩnh vực khoa học và công nghệ 40
15. Kết quả năm 2021 thực hiện Quyết định số 657/QĐ-UBND ngày 30/3/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang 42

TIN TỨC

16. Điểm tin hoạt động khoa học và công nghệ cấp huyện tháng 01/2022 46
17. Kết quả thanh tra, kiểm tra năm 2021 47
18. Hội thi Sáng tạo Kỹ thuật tỉnh An Giang lần thứ XII (2020 - 2021) 49
19. Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức làm việc với Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh 50
20. Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức Hội đồng nghiệm thu dự án 52
21. Thẩm định công nghệ đốt chất thải rắn sinh hoạt của "Dự án xử lý chất thải rắn cụm Long Xuyên" 53
22. 10 sự kiện khoa học và công nghệ Việt Nam nổi bật năm 2021 54

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

CNSH	Công nghệ sinh học	NHCN	Nhãn hiệu chứng nhận
ĐMST	Đổi mới sáng tạo	NINCNC	Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao
ĐBSCL	Đồng bằng sông Cửu Long	SHCN	Sở hữu công nghiệp
KH&CN	Khoa học và Công nghệ	SHTT	Sở hữu trí tuệ
KT-XH	Kinh tế - xã hội	UBND	Ủy ban nhân dân

Địa chỉ phát hành:

Số 269A Nguyễn Thái Học, phường Mỹ Hòa,
thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

☎ (0296) 3852212 hoặc (0296) 3954305

✉ bantinkhcnag@gmail.com



TỈNH AN GIANG:

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỔ CHỨC TRIỂN KHAI KẾ HOẠCH PHỤC HỒI VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI TRONG ĐIỀU KIỆN PHÒNG, CHỐNG DỊCH COVID-19 TỈNH AN GIANG

Ngày 16/11/2021, UBND tỉnh An Giang đã ban hành Kế hoạch số 692/KH-UBND về phục hồi và phát triển KT-XH trong điều kiện phòng, chống dịch Covid-19 tỉnh An Giang. Với phương châm bảo đảm thực hiện mục tiêu kép vừa phòng, chống dịch bệnh để bảo vệ sức khoẻ, tính mạng nhân dân; vừa duy trì hoạt động đầu tư, sản xuất, kinh doanh ổn định góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, tăng thu ngân sách, giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội; không làm đứt gãy chuỗi sản xuất, cung ứng, phân phối hàng hóa, nhất là hàng hóa phục vụ cho nhu cầu đời sống, sinh hoạt hàng ngày của người dân, nguồn nguyên liệu, vật tư, máy móc thiết bị phục vụ cho các hoạt động sản xuất, kinh doanh, các hoạt động đầu tư xây dựng công trình; và tăng cường công tác hỗ trợ, tháo gỡ kịp thời, triệt để các khó khăn, vướng mắc, những điểm nghẽn cản trở hoạt động đầu tư, sản xuất, kinh doanh, hạn chế tối đa số dự án, số lượng doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh ngưng hoạt động, giải thể hoặc phá sản do tác động của dịch Covid-19 trên địa bàn tỉnh.

Kế hoạch tập trung vào việc thực hiện các nhiệm vụ và giải pháp cho từng lĩnh vực cụ thể như: y tế; công nghệ thông tin và truyền thông; giao thông vận tải; sản xuất nông nghiệp; công nghiệp; thương mại dịch vụ; du lịch; đầu tư; tài chính - tín dụng - thuế; KH&CN; an sinh xã hội; quản lý nhà nước; ngoại vụ; an ninh trật tự.

Để tổ chức triển khai hiệu quả kế hoạch trên của UBND tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ đã xây dựng cụ thể mục tiêu, nội dung và giải pháp thực hiện sau:

* Mục tiêu

- Góp phần thúc đẩy phục hồi các hoạt động phát triển KT-XH trong bối cảnh dịch Covid-19, hỗ trợ, duy trì hoạt động đầu tư, sản xuất, kinh doanh ổn định góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

- Hỗ trợ, tháo gỡ kịp thời khó khăn, vướng mắc trong hoạt động sản xuất, kinh doanh và hỗ trợ các doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh, các tổ chức đánh giá sự phù hợp trên địa bàn tỉnh An Giang nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ trên cơ sở áp dụng các giải pháp về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, hệ thống quản lý chất lượng, công cụ cải tiến năng suất chất lượng, góp phần vào tăng trưởng kinh tế, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế tỉnh An Giang.

- Góp phần phục hồi các hoạt động phát triển KT-XH trong bối cảnh dịch Covid-19 thông qua việc hỗ trợ, duy trì hoạt động đầu tư, sản xuất, kinh doanh ổn định.

* Nội dung

- Đẩy mạnh ứng dụng và chuyển giao khoa học, công nghệ phục vụ bảo quản, chế biến nông sản, chế biến sâu thực phẩm và chăm sóc sức khỏe.

- Phối hợp Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công thương hướng dẫn, triển khai quy định hỗ trợ thúc đẩy hoạt động chuyển giao, ứng dụng, đổi mới công nghệ trên địa bàn tỉnh An Giang nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm cho các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp, sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh.

- Triển khai các hoạt động tư vấn, hỗ trợ các tổ chức và cá nhân thực hiện bảo hộ quyền



SHTT, cấp mã số mã vạch, truy xuất nguồn gốc, chỉ dẫn địa lý cho các sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh, ưu tiên sản phẩm OCOP, sản phẩm nông nghiệp.

- Nâng cao năng lực của doanh nghiệp nhỏ và vừa thông qua Mạng lưới kết nối, hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ SME (Small and Medium Enterprise) Việt Nam.

*** Giải pháp**

- Tổ chức các lớp tập huấn và hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng lực ĐMST, áp dụng các công cụ cải tiến năng suất (5S, Kaizen, COQ, IE, KPIs...) trên cơ sở các nguồn lực hiện có của doanh nghiệp, giảm chi phí sản xuất.

- Tăng cường công tác thông tin tuyên truyền các nội dung về phục hồi và phát triển KT-XH trong điều kiện phòng, chống dịch Covid-19 tỉnh An Giang trên Cổng thông tin Sở Khoa học và Công nghệ.

- Hướng dẫn, hỗ trợ các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp, sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh ứng dụng, chuyển giao, đổi mới công nghệ theo Quyết định số 71/2019/QĐ-UBND ngày 23/12/2019, trong đó, ưu tiên các lĩnh vực như bảo quản, chế biến nông sản, chế biến thực phẩm và chăm sóc sức khỏe.

- Tổ chức đào tạo, tuyên truyền nâng cao nhận thức về tạo lập, bảo vệ phát triển tài sản trí tuệ; tổ chức tư vấn, hướng dẫn, hỗ trợ doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong tỉnh xác lập, khai thác và nâng cao hiệu quả của đối tượng quyền SHTT đã được bảo hộ.

- Hỗ trợ các địa phương xây dựng và phát triển thương hiệu cho sản phẩm đặc thù, sản phẩm NNCNC của tỉnh theo Quyết định số 610/QĐ-UBND ngày 25/3/2021 phê duyệt Chương trình phát triển thương hiệu các sản phẩm nông nghiệp tỉnh An Giang giai đoạn 2021 - 2026 và định hướng đến năm 2030.

- Đăng ký mở rộng một số sản phẩm nông nghiệp có tiềm năng cho NHCN “AN GIANG”

và tổ chức in ấn tem NHCN “AN GIANG” để cấp cho đơn vị được trao quyền sử dụng.

- Hỗ trợ các chủ thể kinh tế thay đổi, hoàn thiện mẫu mã, kiểu dáng của bao bì sản phẩm đạt chứng nhận OCOP.

- Triển khai các hoạt động tư vấn, hỗ trợ các tổ chức và cá nhân thực hiện cấp mã số mã vạch, truy xuất nguồn gốc.

- Tổ chức tập huấn, tuyên truyền và hỗ trợ doanh nghiệp áp dụng các công cụ cải tiến năng suất (5S, Kaizen, COQ, IE, KPIs...) trên cơ sở các nguồn lực hiện có của doanh nghiệp, giảm chi phí sản xuất.

- Thực hiện chuyên mục hỏi đáp về hàng rào kỹ thuật trong thương mại (Technical Barriers to Trade - TBT). Duy trì, cập nhật thường xuyên lên website <http://tbtagi.angiang.gov.vn/> các tin tức sự kiện, tin cảnh báo, văn bản pháp luật về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng và các thông báo từ thành viên WTO và các bản tin TBT Việt Nam.

- Tổ chức 01 lớp đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng giảng viên nguồn; Kiến thức hoạt động khởi nghiệp ĐMST đối với tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp hoạt động khởi nghiệp ĐMST và 01 buổi tọa đàm kết nối khởi nghiệp.

- Phối hợp với UBND 11 huyện, thị, thành và các tổ chức, cá nhân có liên quan đẩy mạnh hoạt động của sàn giao dịch công nghệ nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp của tỉnh đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ KH&CN vào sản xuất với các công việc cụ thể như sau:

+ Hỗ trợ, kết nối các giao dịch ứng dụng đổi mới công nghệ, thiết bị.

+ Tư vấn cho các chủ thể, cá nhân thực hiện đổi mới công nghệ, thiết bị phục vụ sản xuất ưu tiên hỗ trợ cho các tổ chức, cá nhân đã tham gia trong Đề án OCOP hoặc được trao quyền sử dụng NHCN An Giang hoặc thuộc Chương trình thương hiệu sản phẩm nông nghiệp.

+ Tổ chức các phiên kết nối cung cầu, giới thiệu các công nghệ, thiết bị phục vụ cho hoạt

(xem tiếp trang 17)



**TỈNH AN GIANG:****QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH DANH MỤC SẢN PHẨM
NÔNG NGHIỆP CHỦ LỰC CẤP TỈNH GIAI ĐOẠN 2021 - 2025**

Ngày 26/11/2021, UBND tỉnh An Giang ban hành Quyết định số 2824/QĐ-UBND ban hành Danh mục sản phẩm nông nghiệp chủ lực cấp tỉnh giai đoạn 2021- 2025 là cơ sở để xem xét, hỗ trợ doanh nghiệp được hưởng các cơ chế, chính sách của Nhà nước. Trong đó có chính sách khuyến khích đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh An Giang theo Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ. Cụ thể như sau:

TT	Nhóm ngành hàng	Tên ngành hàng	Tên sản phẩm chủ lực
I	Trồng trọt	1. Lúa - Nếp	- Lúa chất lượng cao (Jasmine 85, ST5, ST20, Nàng Hoa 9, VD20, RVT, OM 4900, OM 5451, Đài Thơm 8, Japonica) - Nếp Phú Tân (chuyên canh)
		2. Rau màu	- Rau màu các loại
		3. Nấm	- Nấm ăn - Nấm dược liệu
		4. Dược liệu	- Cây dược liệu
		5. Cây ăn quả	- Xoài VietGap - Chuối cây mô - Cây có múi - Nhãn
II	Chăn nuôi	1. Gia súc	- Heo nuôi thịt - Heo cái giống - Bò
		2. Gia cầm	- Trứng gia cầm
III	Thủy sản	1. Cá tra	- Cá tra thương phẩm - Cá tra giống chất lượng cao
		2. Cá lóc	- Cá lóc thương phẩm
		3. Tôm càng xanh toàn đực	- Giống Tôm càng xanh

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Đặng Thị Tiếp Thu

Chánh Thanh tra, Sở KH&CN An Giang

(Nguồn: Quyết định số 2824/QĐ-UBND ngày 26/11/2021 của UBND tỉnh An Giang)

KẾT QUẢ TRIỂN KHAI NHÃN HIỆU CHỨNG NHẬN AN GIANG TỪ NĂM 2016 - 2020

Phòng Quản lý chuyên ngành
Sở Khoa học và Công nghệ An Giang

Ngày 13/6/2016, UBND tỉnh phê duyệt quyết định số 1607/QĐ-UBND về Kế hoạch xây dựng nhãn hiệu chứng nhận An Giang cho các sản phẩm nông nghiệp tỉnh An Giang giai đoạn 2016 - 2020, tầm nhìn đến năm 2030. Qua 5 năm triển khai thực hiện Kế hoạch xây dựng NHCN AN GIANG cho các sản phẩm nông nghiệp tỉnh An Giang giai đoạn 2016 - 2020, với kết quả như sau:

Tổ chức cuộc thi thiết kế logo NHCN AN GIANG

Nhằm chọn ra 01 dấu hiệu làm nhãn hiệu đẹp, phù hợp với đặc thù các sản phẩm nông nghiệp của tỉnh, đảm bảo các yếu tố về thẩm mỹ, kỹ thuật, phục vụ cho sản xuất, tiêu thụ các sản phẩm chủ lực của tỉnh. Sở Khoa học và Công nghệ đã phối hợp với sở, ban ngành liên quan tổ chức Cuộc thi thiết kế logo để chọn logo NHCN AN GIANG: tuyên truyền phát động, thể lệ, giải thưởng, in ấn.. Cuộc thi đã thu hút được sự tham gia, hưởng ứng của nhiều tác giả dự thi, kết quả đã chọn ra tác phẩm mã số AG001-5 của tác giả Phạm Tam (TP. Hồ Chí Minh) làm logo NHCN AN GIANG.

Xây dựng quy chế sử dụng NHCN AN GIANG

Theo quy định người nộp đơn cũng là chủ sở hữu nhãn hiệu chứng nhận khi được cấp giấy chứng nhận ban hành quy chế sử dụng nhãn hiệu chứng nhận. Trên cơ sở đó, Sở Khoa học và Công nghệ đã trình UBND tỉnh giao Sở ban hành quy chế sử dụng NHCN AN GIANG.



Logo NHCN An Giang

Theo đó, Sở Khoa học và Công nghệ đã chủ trì, phối hợp các sở, ban ngành và các đơn vị liên quan xây dựng và ban hành Quy chế sử dụng NHCN AN GIANG. Quy chế sử dụng gồm các nội dung chính: quy định chung; các đặc tính của sản phẩm mang nhãn hiệu; đăng ký sử dụng nhãn hiệu; quản lý việc sử dụng nhãn hiệu; quyền và trách nhiệm của tổ chức, cá nhân sử dụng; xử lý vi phạm; tổ chức thực hiện.

Nộp hồ sơ tại Cục Sở hữu trí tuệ đăng ký NHCN AN GIANG

Trên kết quả cuộc thi thiết kế logo đã chọn được logo nhãn hiệu chứng nhận cũng như quy chế sử dụng NHCN AN GIANG, Sở Khoa học và Công nghệ gửi hồ sơ đăng ký đến Cục Sở hữu trí tuệ và được bảo hộ Giấy chứng nhận số 298221 theo Quyết định số 23086/QĐ-SHTT ngày 11/4/2018. Các sản phẩm đã đăng ký



Lãnh đạo Bộ Khoa học và Công nghệ đã trao Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu cho lãnh đạo UBND tỉnh An Giang

gồm: nấm dược liệu dùng cho mục đích y tế, gạo tẻ, gạo nếp, thịt bò, tôm, cá, lươn, nấm ăn, rau củ quả, rau ăn lá, rau ăn quả (đã qua chế biến), lúa tẻ giống, lúa nếp giống, nấm ăn tươi, con bò giống, tôm tươi, cá tươi, lươn tươi, rau ăn lá tươi, rau ăn củ tươi, rau ăn quả tươi, quả xoài tươi.

Tổ chức sự kiện công bố NHCN AN GIANG

Về nội dung này được sự đồng ý của UBND tỉnh nên sự kiện tổ chức Lễ công bố NHCN AN GIANG được tổ chức lồng ghép vào Hội nghị xúc tiến thương mại đầu tư tỉnh An Giang ngày 15/12/2018. Tại Hội nghị lãnh đạo Bộ Khoa học và Công nghệ đã trao Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu cho lãnh đạo UBND tỉnh, lễ công bố được truyền hình trực tiếp và phát lại trên Đài Phát thanh và Truyền hình An Giang.

Lễ công bố thu hút sự tham gia của Chính phủ, Bộ, ngành Trung ương, các cơ quan, đơn vị quản lý, doanh nghiệp và đông đảo quần chúng nhân dân trên địa bàn tỉnh. Đây là sự kiện có ý nghĩa quan trọng, góp phần giới thiệu NHCN AN GIANG đã được chứng nhận đến người tiêu dùng, các doanh nghiệp, tổ chức,

cá nhân trong và ngoài tỉnh, góp phần nâng cao giá trị thương mại, tăng sức cạnh tranh sản phẩm nông nghiệp của tỉnh trên thị trường.

Tổ chức tuyên truyền giới thiệu, biên tập tài liệu quảng bá và khai thác giá trị của sản phẩm mang NHCN AN GIANG

Nhằm tăng khả năng nhận biết của người tiêu dùng trên thị trường về nguồn gốc sản phẩm nông nghiệp của tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ đã phối hợp với các sở, ban, ngành, huyện, thị, thành phố, Báo An Giang, Đài Phát thanh và Truyền hình An Giang tổ chức tuyên truyền, phổ biến NHCN AN GIANG bằng nhiều hình thức: Tổ chức hội nghị giới thiệu NHCN AN GIANG đến sở ban ngành tỉnh, cấp huyện, Báo An Giang, Đài Phát thanh và Truyền hình An Giang, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong tỉnh; Tổ chức 02 Hội nghị trao quyền sử dụng cho 20 đơn vị đầu tiên đăng ký sử dụng; Phối hợp với Hiệp Hội doanh nghiệp tổ chức buổi giới thiệu vai trò, ý nghĩa của NHCN AN GIANG và trưng bày các sản phẩm NHCN AN GIANG tại buổi cà phê doanh nhân, hội thảo khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tại An Giang năm 2018 và phổ biến trong các kỳ tập huấn văn bản pháp luật khoa học công nghệ tại huyện, thị, thành phố, có



hơn 600 lượt người tham dự. Thường xuyên cập nhật thông tin NHCN AN GIANG trên các phương tiện thông tin truyền thông như: Cổng thông tin điện tử Sở Khoa học và Công nghệ, trang web TBT An Giang, trang Fanpage NHCN <https://www.facebook.com/nhcna/> và Tạp chí - Bản tin KH&CN, trên Cổng thông tin điện tử tỉnh An Giang, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch hỗ trợ phát hình giới thiệu trên màn hình LED; phối hợp với Báo An Giang và Đài Phát thanh - Truyền hình An Giang thực hiện 10 bài viết, 10 chuyên mục lồng ghép tuyên truyền trong các kỳ tuyên truyền về SHTT và các kỳ tập huấn, hội nghị, hội thảo do Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức. Đã thiết kế, biên tập bộ hồ sơ quảng bá NHCN AN GIANG, bao gồm: Tờ bướm, áp phích, sổ tay. Bộ tài liệu quảng bá gồm các nội dung chính: Giới thiệu NHCN AN GIANG; tổ chức và quản lý; các sản phẩm được sử dụng NHCN AN GIANG; lợi ích của việc sử dụng NHCN AN GIANG và các tổ chức đã được trao quyền sử dụng, lắp đặt 04 pano tuyên truyền. Hỗ trợ các đơn vị được cấp quyền sử dụng 02 kỳ trưng bày sản phẩm NHCN AN GIANG tại Hội chợ quốc tế Tịnh Biên - An Giang do Trung tâm Xúc tiến thương mại phối hợp với UBND huyện Tịnh Biên tổ chức và Hội chợ thương mại quốc tế An Phú - An Giang do UBND tỉnh tổ chức năm 2019 và hỗ trợ 265.000 tem cho các đơn vị đã được cấp quyền sử dụng để dán trên bao bì sản phẩm.

Kết quả khảo sát sử dụng NHCN AN GIANG

Việc tăng cường công tác quảng bá thương hiệu sản phẩm đã thu hút được sự quan tâm của người tiêu dùng và một số cơ sở đã mở rộng được thị trường tiêu thụ. Kết quả khảo sát cho thấy các cơ sở sử dụng tin rằng các hoạt động

xúc tiến, quảng bá trong thời gian qua đã từng bước giúp khách hàng tin tưởng NHCN AN GIANG hơn (11 cơ sở chiếm khoảng 42,3%) và có 09 cơ sở cho đó là việc giúp họ tăng doanh số bán nhiều hơn (36%). Tuy nhiên, vẫn có nhiều cơ sở đánh giá thấp các hoạt động xúc tiến, quảng bá này không giúp khách hàng biết đến nhãn hiệu nhiều hơn (15 cơ sở, chiếm 57,7%). Kết quả khảo sát, gần 2 năm sử dụng NHCN 38 đơn vị được trao quyền sử dụng, đa số cơ sở đánh giá việc sử dụng chưa mang lại hiệu quả về mặt doanh số và nâng cao lòng tin của khách hàng. Điều này hoàn toàn dễ hiểu, vì giá trị của NHCN chưa được khẳng định, người tiêu dùng vẫn chưa biết, chưa tin tưởng thì khó có thể giúp cơ sở nâng cao hiệu quả. Tuy vậy phần nào cho thấy sự tích cực trong việc sử dụng NHCN, hầu hết cơ sở rất sẵn sàng tiếp tục sử dụng NHCN nhằm giúp nâng cao hình ảnh cho NHCN An Giang (85,2 % cơ sở).

Nhận xét và đánh giá

Thuận lợi

- Việc xác lập quyền SHTT đối với NHCN AN GIANG đã tạo cơ sở pháp lý để bảo vệ giá trị, nâng cao danh tiếng, tạo dựng uy tín cho các sản phẩm chủ lực của tỉnh An Giang.

- Trong quá trình triển khai thực hiện, được sự quan tâm, hỗ trợ của Bộ Khoa học và Công nghệ, Cục Sở hữu trí tuệ, UBND tỉnh và sự phối hợp các Sở, ban, ngành, UBND huyện, thị, thành phố, Báo An Giang, Đài Phát thanh - Truyền hình An Giang liên quan... trong công tác xác lập quyền SHTT, trong công tác tuyên truyền, quảng bá, lắp đặt pano, hỗ trợ liên hệ, vận động doanh nghiệp, cơ sở được trao quyền sử dụng.

- Công tác tuyên truyền, phổ biến NHCN



AN GIANG cũng có hiệu quả tích cực. Bên cạnh đối tượng là người tiêu dùng, cũng giúp các doanh nghiệp, cá nhân sản xuất kinh doanh sản phẩm nông nghiệp chủ lực trong tỉnh nhận thức được vai trò, ý nghĩa của việc xây dựng và phát triển thương hiệu đặc trưng của tỉnh, họ đã quan tâm hơn đến việc chất lượng nâng cao giá trị, tạo dựng uy tín cho sản phẩm của mình. Ngoài các cuộc vận động do Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức, một số doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân cũng chủ động nộp hồ sơ đến Sở để đăng ký sử dụng.

- Thực tiễn việc quản lý, phát triển, quảng bá, giới thiệu sản phẩm mang NHCN AN GIANG trong thời gian qua của các cơ sở đã thu nhiều kết quả khả quan như giúp cơ sở mở rộng được thị trường tiêu thụ, tăng doanh thu cho cơ sở... Qua đó góp phần nâng cao hiệu quả kinh tế trong sản xuất nông nghiệp của tỉnh. Chính vì những lợi ích thiết thực mang lại từ việc sử dụng NHCN AN GIANG, các cơ sở sẽ tiếp tục sử dụng, bảo vệ và phát triển thương hiệu An Giang trong thời gian tới.

Hạn chế

- Phần lớn doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh sản xuất, kinh doanh với quy mô nhỏ lẻ, nhận thức còn hạn chế về lợi ích của NHCN AN GIANG nên việc tham gia sử dụng NHCN chưa được tích cực; chưa biết tận dụng hết giá trị NHCN AN GIANG để khai thác và phát triển thương hiệu sản phẩm của mình.

- Doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh sản phẩm chủ lực, đặc thù chưa mạnh dạng tăng giá thành sản phẩm; chưa cải tiến nhiều cho bao bì, mẫu mã sản phẩm khi gắn lên tem

NHCN AN GIANG; quá trình sản xuất còn thủ công, đơn giản, chưa đầu tư ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật trong sản xuất.

Định hướng trong thời gian tới

- Xây dựng và phát triển NHCN AN GIANG đối với sản phẩm nông nghiệp đã được bảo hộ và sản phẩm khác có tiềm năng phát triển của tỉnh có khả năng cạnh tranh, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, mở rộng thị trường trong và ngoài nước để trở thành nhãn hiệu đáng tin cậy, được ưa chuộng trên toàn quốc. Tăng sức cạnh tranh của sản phẩm trên thị trường, nâng cao thu nhập của người dân vùng sản xuất kinh doanh góp phần phát triển KT-XH địa phương.

- Phối hợp với các sở, ban, ngành và đơn vị liên quan đào tạo, tập huấn nâng cao nhận thức quản lý, sử dụng và phát triển sản phẩm NHCN AN GIANG; Đẩy mạnh hoạt động đổi mới công nghệ, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật về nâng cao năng suất, chất lượng và cách thức ghi nhãn đúng với quy định trong sản xuất sản phẩm; Tăng cường quảng bá và xúc tiến thương mại cho các sản phẩm NHCN AN GIANG qua nhiều hình thức hơn nữa tại các kênh quảng bá tại các khu du lịch, hội chợ... để du khách trong tỉnh, ngoài tỉnh và nước ngoài hiểu rõ hơn về NHCN AN GIANG.

- Phát triển số lượng doanh nghiệp, cơ sở tham gia sử dụng NHCN. Tổ chức cấp, thu hồi trao quyền sử dụng NHCN đối với các doanh nghiệp, cơ sở đăng ký sử dụng. Mở rộng và phát triển NHCN AN GIANG thêm một số sản phẩm nông nghiệp khác có tiềm năng phát triển./.



KẾT QUẢ TRIỂN KHAI NHIỆM VỤ KH&CN CẤP CƠ SỞ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH AN GIANG GIAI ĐOẠN 2010 - 2020, MỘT SỐ ĐỊNH HƯỚNG TRONG THỜI GIAN TỚI

Trần Trọng Nhân

Sở Khoa học và Công nghệ An Giang

Trong những năm qua, bên cạnh việc tham mưu triển khai các nhiệm vụ KH&CN cấp Quốc gia, cấp tỉnh, công tác quản lý, tổ chức triển khai các nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở cũng được Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh An Giang quan tâm và có nhiều thay đổi trong công tác tham mưu, đổi mới cơ chế, chính sách cũng như nội dung quản lý các nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở. Qua đó từng bước cải thiện chất lượng các nhiệm vụ, nâng cao tính ứng dụng và khả năng nhân rộng kết quả sau nghiệm thu, góp phần quan trọng vào sự phát triển KT-XH của các địa phương nói riêng và của tỉnh nói chung.

Trong 10 năm (2010 - 2020) có 317 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở được Sở Khoa học và Công nghệ phê duyệt hỗ trợ kinh phí triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh. Trong đó, lĩnh vực khoa học nông nghiệp chiếm 56% với 178 nhiệm vụ; khoa học y dược chiếm 21% (66 nhiệm vụ); khoa học xã hội, nhân văn: có 52 nhiệm vụ (chiếm 16%); khoa học kỹ thuật công nghệ chiếm 7% (21 nhiệm vụ) với tổng kinh phí thực hiện các nhiệm vụ là 33,48 tỷ đồng, trong đó kinh phí hỗ trợ từ nguồn ngân sách sự nghiệp khoa học là 12,92 tỷ đồng, nguồn xã hội hóa là 20,57 tỷ đồng. Kết quả triển khai các nhiệm vụ KH&CN tại cơ sở đã từng bước phát huy hiệu quả trong việc chuyển đổi cơ cấu giống cây trồng, vật nuôi từng vùng, góp phần quan trọng trong công cuộc xây

dựng nông thôn mới và định hướng phát triển KT-XH của từng địa phương. Có thể điểm qua một số kết quả nổi bật như:

- *Lĩnh vực khoa học nông nghiệp*: có 173 nhiệm vụ được nghiệm thu, trong đó có nhiều nhiệm vụ có tính ứng dụng cao. Các đơn vị, địa phương sau khi nhiệm vụ kết thúc đã tổ chức tuyên truyền, tập huấn và chuyển giao ứng dụng các kết quả, mô hình cho nông dân trên địa bàn góp phần gia tăng năng suất cây trồng, vật nuôi, giúp gia tăng thu nhập cho người nông dân trên địa bàn. Trong đó, một số nhiệm vụ có kết quả nổi bật như: Khảo nghiệm tính thích nghi và năng suất của bộ giống lúa cao sản tại các huyện, thị xã: Thoại Sơn, Tân Châu, Châu Thành, Tịnh Biên và Châu Phú; Xây dựng mô hình nuôi cá điêu hồng giống Ecuador trong lồng bè theo quy trình VietGAP tại làng bè xã Mỹ Hòa Hưng, TP. Long Xuyên, An Giang; Thử nghiệm mô hình sản xuất lúa theo hướng an toàn sinh học tại huyện An Phú, An Giang; Thử nghiệm mô hình nuôi chồn hương quy mô nông hộ tại huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang; Thử nghiệm mô hình trồng măng tây xanh tại vùng chuyên canh màu xã Bình Thạnh, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang; So sánh năng suất và hiệu quả kinh tế 05 loại giống meo nắm bào ngư tại huyện Châu Thành, An Giang; Thử nghiệm sử dụng thức ăn công nghiệp trong mô hình nuôi lươn thương phẩm ở thị xã Tân Châu...



Mô hình trình diễn trong khuôn khổ đề tài “So sánh năng suất và hiệu quả kinh tế 05 loại giống meo năm bảo ngư tại thị trấn An Châu, Châu Thành, tỉnh An Giang”



Mô hình trình diễn trong khuôn khổ đề tài “Khảo nghiệm các giống lúa có triển vọng phù hợp với vùng đất 03 vụ tại huyện Châu Phú, An Giang”

- Lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ: có 19 nhiệm vụ đã được nghiệm thu và được triển khai ứng dụng vào thực tiễn quản lý, cụ thể nổi bật là nhiệm vụ “Ứng dụng ảnh viễn thám (radar) và GIS đánh giá thực trạng và điều chỉnh bản đồ lịch thời vụ (03 vụ lúa/năm) ở huyện Châu Thành và Thoại Sơn tỉnh An Giang”; “Ứng dụng ảnh viễn thám modis và hệ thống thông tin địa lý quản lý việc xả lũ của các tiểu vùng sản xuất lúa, mùa vụ Thu Đông tỉnh An Giang”... đã được ngành bảo vệ thực vật ứng dụng trong công tác quản lý, điều chỉnh lịch thời vụ, từ đó kịp thời triển khai các biện pháp để ngăn ngừa dịch bệnh phát sinh. Kết quả nhiệm vụ giúp cho địa phương trên địa bàn tỉnh kiểm soát tốt tình hình dịch bệnh không để xảy ra trên diện rộng, góp phần giảm thiểu thiệt hại, đem lại hiệu quả kinh tế cho người nông dân. Ngoài ra, một số nhiệm vụ nổi bật có thể điểm qua như: Xây dựng quy trình sản xuất sản phẩm yến sào chung nước thốt nốt tại tỉnh An Giang; chế biến lạp xưởng từ nguồn nguyên liệu cá lóc sạch; nghiên cứu chế biến kẹo dẻo từ nước ép trám tươi; chế biến nước cơm rượu và bánh cookies từ nếp Phú Tân, An Giang; quy trình chế biến các sản phẩm mĂNG

sấy từ măng mạnh tông trồng tại huyện Tịnh Biên... đã góp phần tạo ra các sản phẩm có giá trị gia tăng từ nguồn nguyên liệu có sẵn tại địa phương.

- Lĩnh vực khoa học y dược: có 66 nhiệm vụ đã được nghiệm thu và được ứng dụng thực tế trên lâm sàng, cận lâm sàng, trong điều trị chăm sóc người bệnh, y tế cộng đồng đóng góp cho công tác điều trị, nâng cao hiệu quả khám chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe cho người dân trên địa bàn, trong đó nổi bật một số nhiệm vụ như: Đánh giá hiệu quả của phẫu thuật làm giảm thể tích cuốn mũi dưới bằng Coblator qua nội soi tại Bệnh viện Mắt - Tai mũi họng - răng hàm mặt tỉnh An Giang; nghiên cứu ngừa mộng thị tái phát bằng Cyclosporine A nhỏ sau phẫu thuật cắt mộng thị ghép kết mạc rời tự thân; nghiên cứu mô hình cấp cứu đột quỵ nhồi máu não cấp tại Bệnh viện Đa khoa khu vực tỉnh An Giang; khảo sát hoạt tính ức chế enzyme Acetylcholinesterase của một số cây thuốc ở An Giang...

- Lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn: có 52 nhiệm vụ được nghiệm thu, đã góp phần mang lại hiệu quả thiết thực cho các đơn vị, địa phương ứng dụng phục vụ công tác tham



Mô hình trình diễn trong khuôn khổ đề tài “Thử nghiệm mô hình trồng măng tây xanh tại vùng chuyên canh màu xã Bình Thạnh, huyện Châu Thành, An Giang”



Mô hình trình diễn trong khuôn khổ đề tài “Ứng dụng chế phẩm Tricoderma trong phòng trị bệnh và nâng cao năng suất trên cây đậu phộng tại địa bàn huyện An Phú, tỉnh An Giang”

muu, ban hành các chính sách phục vụ hoạch định và thực hiện tốt đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách phát triển KT-XH tại địa phương. Kết quả nghiên cứu góp phần giải quyết các vấn đề liên quan đến giải pháp cơ chế và mô hình đổi mới, nâng cao hiệu quả quản lý hành chính, quản lý kinh tế, văn hóa, xã hội, giáo dục và đào tạo tại địa phương, đơn vị. Điển hình các nhiệm vụ nổi bật như: Thực trạng và giải pháp tiếp cận giáo dục của người chăm huyện An Phú tỉnh An Giang; thực trạng và giải pháp phát triển nguồn nhân lực phục vụ tăng trưởng KT-XH xã Vọng Thê, Thoại Sơn, An Giang; thực trạng và giải pháp nâng cao chất lượng tuyến, điểm du lịch trên địa bàn tỉnh An Giang; đánh giá nguồn lực cộng đồng trong quá trình xây dựng nông thôn tại huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang; thực trạng và giải pháp phát triển du lịch núi Sam, thành phố Châu Đốc - An Giang; nghiên cứu tín ngưỡng dân gian tại vùng Bảy Núi và tiềm năng phát triển du lịch...

Bên cạnh những kết quả đạt được, hoạt động nghiên cứu KH&CN cấp cơ sở tại tỉnh An Giang còn tồn tại một số khó khăn như:

- Công tác quản lý, tham mưu, đề xuất các nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở tại các địa

phương, đơn vị còn nhiều khó khăn do cán bộ phụ trách KH&CN tại địa phương đa phần là kiêm nhiệm, thường xuyên luân chuyển. Các địa phương chưa bố trí công chức phụ trách quản lý về hoạt động KH&CN.

- Nguồn kinh phí hỗ trợ các nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở còn thấp (hỗ trợ 50% tổng kinh phí nhưng không quá 60 triệu đồng/đề tài), chủ yếu sử dụng từ nguồn kinh phí sự nghiệp KH&CN của tỉnh hỗ trợ, nên đôi khi chưa khuyến khích các tổ chức, cá nhân tham gia đề xuất thực hiện.

- Việc duy trì, nhân rộng các kết quả nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở sau nghiệm thu vào thực tiễn quản lý, hoạt động sản xuất và đời sống còn gặp nhiều khó khăn, chưa được duy trì thường xuyên. Đặc biệt là việc triển khai ứng dụng kết quả từ các mô hình sản xuất nông nghiệp, do phụ thuộc nhiều vào giá cả thị trường và địa phương còn thiếu kinh phí để hỗ trợ nhân rộng mô hình.

- Công tác đề xuất, đặt hàng nhiệm vụ KH&CN để giải quyết các vấn đề cấp thiết của địa phương, đơn vị đã được thực hiện thường xuyên, nhưng một số địa phương đôi khi chưa được Lãnh đạo, đơn vị quan tâm chỉ đạo đúng mức.



- Các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh hầu hết là doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ, chưa thật sự quan tâm đến việc nghiên cứu ứng dụng chuyển giao công nghệ mới vào sản xuất. Do vậy, việc huy động các nguồn lực xã hội đầu tư cho công tác KH&CN tại địa phương còn hạn chế.

Ngoài ra, cơ sở vật chất, tiềm lực KH&CN tại đơn vị cơ sở cơ bản còn thiếu, yếu làm ảnh hưởng đến chất lượng và tiến độ triển khai các nhiệm vụ. Nguồn kinh phí bố trí cho hoạt động ứng dụng, chuyển giao KH&CN cấp huyện còn thiếu chưa đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, ứng dụng kết quả tại địa phương.

Nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động nghiên cứu, ứng dụng KH&CN, gắn chặt chẽ hoạt động nghiên cứu, ứng dụng KH&CN với sản xuất, đời sống và nhu cầu của địa phương. Trong thời gian tới, nên quan tâm triển khai một số định hướng, giải pháp chủ yếu như sau:

(1) Đối với Sở Khoa học và Công nghệ

- Tiếp tục rà soát, tham mưu sửa đổi, bổ sung các quy định quản lý, thực hiện các nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở đảm bảo phù hợp với thực tiễn trong việc triển khai áp dụng, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả trong công tác quản lý nhà nước về hoạt động KH&CN cấp cơ sở.

- Tăng cường công tác phối hợp giữa Sở Khoa học và Công nghệ với các địa phương thông qua các buổi làm việc cụ thể theo từng nội dung, chương trình để trao đổi, học tập, chia sẻ những kết quả nổi bật trong công tác tham mưu, triển khai các hoạt động quản lý KH&CN địa phương. Đồng thời qua đó nắm bắt được những tâm tư, đề xuất, kiến nghị của địa phương để Sở Khoa học và Công nghệ có

những thay đổi, điều chỉnh hoặc tham mưu những chính sách phù hợp góp phần thúc đẩy, nâng cao hiệu quả quản lý hoạt động KH&CN tại địa phương, đặc biệt là trong lĩnh vực triển khai, ứng dụng các nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở.

- Tăng cường tổ chức các lớp tập huấn quản lý KH&CN địa phương do Bộ Khoa học và Công nghệ tổ chức để tạo điều kiện cho các cán bộ quản lý, phụ trách KH&CN ở địa phương tham gia góp phần nâng cao năng lực công tác.

- Phát huy vai trò của Trung tâm Ứng dụng tiến bộ KH&CN, Trung tâm Công nghệ sinh học trong việc chủ động, tìm hiểu, hướng dẫn các địa phương trong việc đề xuất ý tưởng đặt hàng, hoàn thiện xây dựng mẫu phiếu đề xuất đúng quy định để có thể nhận được nhiều đề xuất đặt hàng khả thi từ các địa phương.

- Phát huy vai trò của các đơn vị nghiên cứu, tổ chức hoạt động KH&CN, nhà khoa học trên địa bàn tỉnh trong việc tham gia phối hợp, hỗ trợ với các địa phương trong quá trình phối hợp, hỗ trợ xây dựng đề xuất và triển khai các nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở trên địa bàn huyện, thị, thành phố.

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền các kết quả nghiên cứu ứng dụng có hiệu các nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở trên các kênh truyền thông như: Đài Phát thanh truyền hình, Báo An Giang thông qua công tác chủ động mời ghi hình, đưa tin kết quả họp Hội đồng, đưa tin các nhiệm vụ có hiệu quả cao làm cơ sở để phổ biến, tuyên truyền hoạt động KH&CN vào thực tiễn sản xuất.

(2) Đối với các địa phương

- Lãnh đạo các cấp ủy Đảng, chính quyền



địa phương cần tích cực quan tâm đến hoạt động KH&CN tại đơn vị và địa phương thông qua việc chỉ đạo sâu sát hơn nữa các đơn vị, phòng ban triển khai xây dựng kế hoạch hoạt động KH&CN hằng năm theo hướng dẫn của Sở Khoa học và Công nghệ thông qua đề xuất đặt hàng nhiệm vụ KH&CN; vận dụng, bố trí nguồn kinh phí của địa phương để tổ chức triển khai ứng dụng các kết quả nhiệm vụ vào thực tiễn quản lý sản xuất, đời sống; Xây dựng các đề xuất nhiệm vụ KH&CN có tính khả thi, đặc biệt là chủ động triển khai, lồng ghép các nhiệm vụ KH&CN, các mô hình ứng dụng KH&CN vào công tác tham mưu triển khai các chương trình hiện nay của tỉnh do địa phương chủ trì phục vụ phát triển KT-XH của địa phương.

- Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng hoạt động của Hội đồng KH&CN cấp huyện thông qua công tác quản lý, tham mưu của Phòng Kinh tế/ Kinh tế hạ tầng các huyện, thị thành phố trong việc triển khai thực hiện nhiệm vụ hàng năm.

- Đẩy mạnh hoạt động chuyển giao tiến bộ kỹ thuật, nhân rộng mô hình ứng dụng các kết quả nghiên cứu khoa học đã được khẳng định từ các nhiệm vụ cấp Quốc gia, cấp tỉnh triển khai trên địa bàn cơ sở. Tập trung vào các giải pháp, tiến bộ kỹ thuật trực tiếp thúc đẩy phát triển các sản phẩm chủ lực của địa phương gắn với liên kết theo chuỗi góp phần đảm bảo đầu ra và nâng cao giá trị sản phẩm.

- Tạo điều kiện để bố trí cán bộ, công chức phụ trách hoạt động KH&CN tại địa phương ổn định công tác, hạn chế việc luân chuyển vị trí thường xuyên. Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức chuyên môn

về chuyên môn, kỹ năng và nghiệp vụ quản lý nhà nước về KH&CN cấp huyện.

- Tăng cường công tác, trao đổi học tập kinh nghiệm về công tác quản lý, triển khai các nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở tại các địa phương đang triển khai tốt nhiệm vụ này trong thời gian qua. Từ đó giúp nâng cao kinh nghiệm và hiệu quả trong công tác quản lý hoạt động KH&CN cấp cơ sở tại địa phương.

- Đề xuất khen thưởng kịp thời các tổ chức, cá nhân có những đóng góp tích cực trong công tác tham mưu, triển khai ứng dụng tiến bộ KH&CN phục vụ phát triển KT-XH tại địa phương.

- Tăng cường công tác phối hợp, trao đổi thông tin với các đơn vị, phòng chuyên môn của Sở Khoa học và Công nghệ để được tư vấn, nắm bắt kịp thời các quy định, hướng dẫn nhằm triển khai tốt các hoạt động quản lý nhà nước về KH&CN trên địa bàn huyện.

- Tăng cường khai thác thông tin KH&CN thông qua các kênh, trang thông tin KH&CN ở địa phương như: Bản tin KH&CN, Cổng thông tin điện tử của Sở Khoa học và Công nghệ... để đẩy mạnh ứng dụng chuyển giao các tiến bộ kỹ thuật, công nghệ mới cho người dân tại địa phương.

- Tăng cường kết nối và hướng dẫn các doanh nghiệp trên địa bàn huyện tiếp cận được các Chương trình, dự án của Trung ương, của tỉnh về đổi mới công nghệ, nâng cao năng suất chất lượng, SHTT... qua đó góp phần tăng cường, huy động được nguồn lực từ các doanh nghiệp đầu tư cho hoạt động KH&CN tại địa phương./.



KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG NĂM 2021

Phạm Văn Cao

Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng

Thực hiện Quyết định 1620/QĐ-UBND ngày 10/7/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Kế hoạch hoạt động KH&CN tỉnh An Giang năm 2021. Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng tỉnh An Giang đã triển khai thực hiện Kế hoạch và đạt một số kết quả như sau:

1. Về tổ chức bộ máy, nhân sự

Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng hiện có Chi cục trưởng và 01 Phó Chi cục trưởng, với 03 phòng chuyên môn nghiệp vụ gồm: Phòng Hành chính - Tổng hợp; Phòng Quản lý đo lường; Phòng Quản lý tiêu chuẩn chất lượng - TBT. Tổng số biên chế hiện có tại đơn vị gồm 15 công chức và 01 lao động hợp đồng.

2. Công tác quản lý về đo lường

- Tham mưu Sở Khoa học và Công nghệ ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án “Tăng cường, đổi mới hoạt động đo lường hỗ trợ doanh nghiệp Việt Nam nâng cao năng lực cạnh tranh và hội nhập quốc tế giai đoạn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” (gọi tắt là đề án 996) tại tỉnh An Giang. Đồng thời, xây dựng Quy trình đảm bảo đo lường đối với cân kỹ thuật, cân phân tích của đơn vị; Tổ chức thực hiện khảo sát, lấy ý kiến của doanh nghiệp về hoạt động hỗ trợ đảm bảo đo lường tại doanh nghiệp; Phối hợp với Phòng Kinh tế/ Kinh tế - Hạ tầng huyện, thị xã, thành phố cử

công chức tham gia các khóa đào tạo Đề án 996 và hoạt động đo lường tại doanh nghiệp, hướng dẫn xây dựng và triển khai thực hiện chương trình đảm bảo đo lường theo Quyết định số 510/QĐ-BKHCN ngày 17/3/2021 của Bộ Khoa học và Công nghệ.

- Thực hiện kiểm tra về đo lường phương tiện đo nhóm 2 là tiêu cự kính mắt đối với 12 hộ kinh doanh mắt kính trên địa bàn tỉnh, qua đó phát hiện, kịp thời thông báo dừng hoạt động đo lường không phù hợp và yêu cầu các cơ sở vi phạm có trách nhiệm thực hiện các biện pháp xử lý, khắc phục vi phạm theo quy định hiện hành trước khi đưa phương tiện đo vào sử dụng.

- Tham gia phối hợp Đoàn kiểm tra liên ngành tỉnh kiểm tra 11 tổ chức kinh doanh xăng dầu. Kết quả sai số về đo lường cột đo xăng dầu phù hợp quy định, có trang bị đủ bình đong, ca đong đã được kiểm định ban đầu. Đoàn thực hiện lấy 04 mẫu dầu DO 0,05S và 05 mẫu xăng RON 95-III để gửi thử nghiệm đánh giá chất lượng. Phối hợp với Đội Quản lý thị trường số 1 kiểm tra, xác minh và xử lý 02 vụ việc liên quan đến kiến nghị, phản ánh của người dân trong lĩnh vực kinh doanh xăng dầu.

- Triển khai thực hiện Kế hoạch số 656/KH-UBND ngày 06/12/2016 của UBND tỉnh về việc thực hiện các giải pháp chống thất thu thuế mặt hàng xăng dầu: Dán 237 tem niêm phong cho 79 công tơ tổng của 34 tổ chức kinh



doanh xăng dầu theo danh sách đề nghị của Cục thuế tỉnh An Giang. Đồng thời kết hợp công tác tuyên truyền các quy định pháp luật tại Thông tư số 15/2015/TT-BKHCN; Thông tư số 08/2018/TT-BKHCN về thiết bị ghi, in kết quả đo, lập sổ theo dõi, kiểm tra sai số cột đo, bồn bể. Kiểm định bình đong, ca đong, cột đo xăng dầu đúng quy định...

3. Công tác quản lý về tiêu chuẩn, chất lượng - TBT

- Tham mưu Sở Khoa học và Công nghệ trình UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 573/KH-UBND ngày 28/9/2021 về triển khai Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất chất lượng sản phẩm, hàng hoá giai đoạn 2021-2025 và tầm nhìn đến 2030 trên địa bàn tỉnh An Giang. Trên cơ sở Kế hoạch được UBND tỉnh phê duyệt, tham mưu Sở ban hành Kế hoạch số 82/KH-SKHCN ngày 20/10/2021 về việc tổ chức thực hiện Kế hoạch số 573/KH-UBND và Quyết định thành lập Tổ Tư vấn - Giám sát việc thực hiện Chương trình. Tổ chức thực hiện khảo sát và tiếp nhận nhu cầu đăng ký tham gia chương trình nâng cao năng suất chất lượng đối với các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Tham dự lễ trao Giải thưởng chất lượng quốc gia (GTCLQG) năm 2020 cho 02 công ty: Công ty CP XNK Thủy sản Cửu Long An Giang và Công ty TNHH Đông Dược Xuân Quang và thực hiện chi hỗ trợ cho 02 doanh nghiệp đạt giải theo nội dung của Quyết định số 794/QĐ-UBND ngày 23/3/2016 của UBND tỉnh về việc Phê duyệt Kế hoạch nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hoá của doanh nghiệp vừa và nhỏ tỉnh An Giang giai

đoạn 2016-2020. Tuyên truyền, vận động các doanh nghiệp tham gia GTCLQG năm 2021 và tiếp nhận 02 hồ sơ đăng ký tham dự. Tuy nhiên, 02 đơn vị này đã có văn bản xin dừng tham dự do đơn vị tự đánh giá một số tiêu chí chưa đạt theo yêu cầu.

- Thực hiện hỗ trợ việc xây dựng, áp dụng và công bố hệ thống quản lý chất lượng (HTQLCL) phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 đối với 05 cơ quan: Ban Thi đua - Khen thưởng và Chi cục Văn thư - Lưu trữ thuộc Sở Nội vụ; Ban dân tộc; Chi cục Quản lý Đất đai. Tham mưu ban hành Kế hoạch và trình UBND tỉnh Quyết định phê duyệt Kế hoạch kiểm tra việc xây dựng, áp dụng, duy trì và cải tiến HTQLCL theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 tại các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh An Giang theo đúng quy định tại Thông tư số 26/2014/TT-BKHCN ngày 10/10/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ.

- Tiếp nhận và giải quyết 01 hồ sơ công bố hợp chuẩn và 01 hồ sơ công bố hợp quy của 02 doanh nghiệp; Hướng dẫn việc triển khai truy xuất nguồn gốc cây mai gửi UBND huyện, thị xã, thành phố; Hướng dẫn thủ tục đăng ký sử dụng mã số, mã vạch cho 07 cơ sở; Tổ chức 01 lớp tập huấn về nhãn hàng hóa, mã số mã vạch và truy xuất nguồn gốc tại Siêu thị Tứ Sơn (Châu Đốc, An Giang) với hơn 100 đại biểu tham gia.

- Cập nhật lên website TBT AGi 1.283 tin (Tin tức sự kiện: 1.122 tin; Tin cảnh báo: 81 tin; Văn bản pháp luật: 06 tin; Thông báo từ thành viên WTO: 41 tin; Bản tin TBTVN: 33

bản tin). Số lượt truy cập trung bình: 14.902 lượt/tháng, trung bình 496 lượt/01 ngày. Cập nhật các thông tin về TBT từ Văn phòng TBT Việt Nam và các bộ, ngành liên quan liên quan đến rào cản kỹ thuật ảnh hưởng đến hàng hóa của tỉnh An Giang; Các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, các hệ thống quản lý chất lượng, các quy định của các bộ, ngành liên quan đến sản xuất, hàng hóa trong tỉnh.

- Tổ chức thực hiện 06 cuộc khảo sát chất lượng hàng hóa lưu thông trên thị trường đối với 85 tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh xăng dầu, dầu nhớt động cơ đốt trong, trà và cà phê. Kết quả: 34/34 mẫu xăng được kiểm tra bằng máy kiểm nhanh có chất lượng đạt yêu cầu; Mua 21 mẫu dầu nhớt động cơ đốt trong, 15 mẫu xăng, 03 mẫu trà và 05 mẫu cà phê gửi thử nghiệm chất lượng tại Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Cần Thơ. Kết quả: Có 12 mẫu không đạt yêu cầu về chất lượng (gồm 01 mẫu xăng, 10 mẫu dầu nhớt động cơ đốt trong và 01 mẫu cà phê), Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng đã mời đại diện các doanh nghiệp liên quan đến để làm việc và yêu cầu cam kết khắc phục. Riêng đối với 01 mẫu xăng không đạt chất lượng trên địa bàn thành phố Long Xuyên, Chi cục đã báo cáo, kiến nghị Sở Khoa học và Công nghệ thành lập Đoàn thanh tra đột xuất, qua đó kịp thời phát hiện, xử lý vi phạm đối với hành vi kinh doanh xăng RON 95-III có chất lượng không phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật tương ứng với tổng số tiền xử phạt vi phạm hành chính là 46.148.080 đồng.

Nhìn chung, Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng đã hoàn thành các nhiệm vụ được



Công tác khảo sát chất lượng xăng dầu năm 2021

giao theo Kế hoạch được phê duyệt và Kế hoạch điều chỉnh các cuộc thanh tra, kiểm tra do tình hình diễn biến của dịch bệnh Covid-19. Tham mưu Sở Khoa học và Công nghệ triển khai có hiệu quả việc thực hiện Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng HTQLCL theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước và bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật; Công tác khảo sát chất lượng hàng hoá lưu thông thị trường được thực hiện có hiệu quả, đồng thời thường xuyên phối hợp công tác thanh tra, kiểm tra với các Đoàn liên ngành, chuyên ngành được thực hiện thường xuyên, đảm bảo theo yêu cầu của cấp trên, qua đó góp phần ngăn chặn kịp thời hành vi vi phạm về chất lượng, đảm bảo an toàn, bảo vệ lợi ích của người tiêu dùng. Bên cạnh đó, thường xuyên cử công chức tham gia các khóa bồi dưỡng, đào tạo, tập huấn trực tuyến nhằm nâng cao trình độ chuyên môn,



Họp tổng kết đánh giá hoạt động tiêu chuẩn đo lường chất lượng cuối năm 2021

nghiệp vụ của công chức, góp phần nâng cao chất lượng trong quá trình giải quyết công việc được giao.

Trong thời gian tới, Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng tiếp tục tăng cường công tác đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ, xây

dựng Kế hoạch triển khai có hiệu quả Quyết định số 1553/QĐ-UBND ngày 09/7/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt kế hoạch hoạt động khoa học công nghệ, ĐMST và dự toán ngân sách khoa học công nghệ tỉnh An Giang năm 2022. Trong đó tập trung vào các lĩnh vực tuyên truyền, kiểm tra, khảo sát chất lượng sản phẩm, hàng hóa lưu thông trên thị trường, việc triển khai thực hiện các quyết định của Thủ tướng Chính phủ như: Quyết định số 1322/QĐ-TTg ngày 31/8/2020 (về năng suất chất lượng); Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 (về áp dụng HTQLCL); Quyết định số 996/QĐ-TTg ngày 10/8/2018 (về đổi mới hoạt động đo lường)... góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, khẳng định vai trò, trách nhiệm quản lý nhà nước về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng tại địa phương./.

(tiếp theo trang 3)

động sản xuất, kinh doanh theo các ngành nghề khác nhau của tỉnh An Giang năm 2022.

- Tổ chức xuất bản 06 bản tin KH&CN năm 2022 liên quan đến các chủ đề về phổ biến chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về khoa học, công nghệ; các biện pháp, giải pháp lớn của cấp ủy, chính quyền địa phương trong việc phát triển ứng dụng KH&CN; giới thiệu, trao đổi các kết quả nghiên cứu, ứng dụng các thành tựu KH&CN trong nước và quốc tế góp phần vào việc thực hiện các nhiệm vụ phát triển KT-XH của địa phương...

- Phối hợp Tỉnh đoàn An Giang tổ chức “Ngày hội khởi nghiệp” theo hình thức trực tuyến nhằm lựa chọn các ý tưởng khởi nghiệp

có tính khả thi để hỗ trợ công nghệ, tư vấn xây dựng thương hiệu. Phấn đấu hỗ trợ phát triển 01 ý tưởng để thực hiện khởi sự doanh nghiệp.

- Tổ chức ít nhất 01 buổi tuyên truyền về phổ biến chính sách hỗ trợ khởi nghiệp ĐMST của tỉnh đến tất cả cá nhân, doanh nghiệp. Đẩy mạnh ươm tạo doanh nghiệp khởi nghiệp ĐMST.

Trong Kế hoạch này Sở Khoa học và Công nghệ đã giao cho từng Phòng và đơn vị thuộc Sở phụ trách thực hiện cụ thể các nhiệm vụ nhằm mang lại hiệu quả cao trong công tác đẩy mạnh ứng dụng KH&CN góp phần phục hồi và phát triển kinh tế trong điều kiện dịch Covid-19 như hiện nay./.

Nguyễn Công Kha

Phó Chánh văn phòng, Sở KH&CN An Giang

(Nguồn: Kế hoạch số 692/KH-UBND ngày 16/11/2021 của UBND tỉnh An Giang)



NHIỆM VỤ KH&CN CẤP TỈNH:

NGHIÊN CỨU NÂNG CAO CHUỖI GIÁ TRỊ CÁ LÓC THƯƠNG PHẨM TỈNH AN GIANG ĐẠT TIÊU CHUẨN VIETGAP

Nguyễn Ngọc Mộng Kha

Sở Khoa học và Công nghệ An Giang

Cá lóc là một trong những đối tượng thủy sản nuôi nước ngọt, được nuôi khá phổ biến tại các tỉnh ĐBSCL. Riêng ở An Giang cá lóc được nuôi hầu hết các thành phố và các huyện, thị, trong đó tập trung nhiều nhất ở thành phố Long Xuyên và một số huyện An Phú, Phú Tân, Châu Phú và Tân Châu. Cá lóc được nuôi với các mô hình thâm canh, bán thâm canh và quảng canh nhưng mô hình nuôi phổ biến vẫn là thâm canh và bán thâm canh. Hình thức nuôi có thể là nuôi trong ao đất, trong vèo, trong bồn lót bạt. Hơn hai thập niên trở lại đây, nghề nuôi cá lóc đang trở nên rất phổ biến nhưng vẫn chưa ổn định vì còn phụ thuộc và ảnh hưởng nhiều vào một số yếu tố chủ quan và khách quan. Từ đó, UBND tỉnh An Giang đã ban hành Quyết định số 580/QĐ-UBND ngày 23/02/2017 về việc phê duyệt thực hiện đề tài KH&CN cấp tỉnh “*Nghiên cứu nâng cao chuỗi giá trị cá lóc thương phẩm tỉnh An Giang đạt tiêu chuẩn VietGAP*”, do Trung tâm Nghiên cứu và Tư vấn Thủy sản Thanh Loan chủ trì, TS. Lý Thị Thanh Loan chủ nhiệm.

Mục tiêu nghiên cứu tổng quát đề tài là hình thành chuỗi liên kết sản xuất, tiêu thụ cá lóc thương phẩm và các sản phẩm chế biến từ cá lóc của tỉnh An Giang đạt tiêu chuẩn VietGAP và chứng nhận an toàn vệ sinh thực phẩm nhằm nâng cao hiệu quả cho người sản xuất. Mục tiêu cụ thể: xây dựng các mô hình ương, nuôi

cá lóc đạt tiêu chuẩn VietGAP. Cụ thể đối với người sản xuất giống và nuôi cá lóc thương phẩm tăng thêm 20% thu nhập so với hiện trạng (trên cơ sở lấy kết quả điều tra hiện trạng về ương, nuôi cá lóc để xác định mức thu nhập tăng); xây dựng, cải tiến quy trình chế biến 03 sản phẩm từ cá lóc được chứng nhận an toàn vệ sinh thực phẩm và các giải pháp bảo quản sản phẩm; xây dựng chuỗi liên kết sản xuất và tiêu thụ cá lóc và sản phẩm chế biến từ cá lóc nhằm gắn kết các tác nhân trong chuỗi để ổn định sản xuất và phát triển thị trường tiêu thụ; xây dựng nhãn hiệu tập thể cho các sản phẩm khô chế biến từ cá lóc nuôi đạt tiêu chuẩn VietGAP và tiêu chí chứng nhận nhãn hiệu tập thể; đào tạo, phát triển nguồn nhân lực phục vụ phát triển mô hình và gắn kết chuỗi sản xuất; đề xuất các định hướng và giải pháp phát triển mô hình sản xuất và chuỗi giá trị cá lóc tỉnh An Giang.

Sau hơn 03 năm thực hiện, vừa qua Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh An Giang đã tổ chức hội đồng KH&CN tư vấn đánh giá nghiệm thu kết quả thực hiện đề tài trên với một số kết quả nổi bật như sau:

1. Kết quả đánh giá xác định hiện trạng chuỗi giá trị cá lóc

Có 10 tác nhân tham gia vào toàn bộ chuỗi giá trị cá lóc ở An Giang, tập trung trong 02 kênh chính:



- Kênh 1: Hộ sản xuất giống → Thương lái thu mua giống → Hộ nuôi thương phẩm → Thương lái thu mua thương phẩm → Vựa đầu mối → Thương lái Campuchia/chợ Bình Điền.

- Kênh 2: Hộ nuôi thương phẩm → Thương lái thu gom cá dạt → Cơ sở chế biến mắm xối → Cơ sở mắm thành phẩm → Cơ sở chế biến khô → Tiểu thương bán lẻ cá tươi.

Lợi nhuận phân phối cho các tác nhân tham gia là không đồng đều: kênh 1, lợi nhuận tập trung nhiều cho thương lái thu mua cá thương phẩm và vựa đầu mối; kênh 2 tập trung cho các sản phẩm chế biến như mắm lóc, khô lóc.

2. Kết quả đánh giá hiện trạng sản xuất giống và nuôi cá lóc thương phẩm

Diện tích ao nuôi cá lóc chiếm đa số chỉ dao động trong khoảng 1.000 - 2.000 m²; mật độ giống thả trung bình là 106,80 con/m². Kích cỡ giống thả trung bình là (532,25 con/kg), thời gian nuôi của các hộ trung bình 169.91 ngày. Kích cỡ cá thu hoạch trung bình lúc thu hoạch của các hộ ghi nhận (0,38 kg/con). Tỷ lệ sống trung bình 27,72 %. Sản lượng của các hộ nuôi dao động khá cao từ 6,89 – 175,68 tấn/vụ nuôi. Năng suất bình quân (111.73 tấn/ha/vụ nuôi, dao động từ 72,80 - 168,00 tấn/ha/vụ nuôi).

3. Kết quả xây dựng vùng sản xuất đạt tiêu chuẩn

Xây dựng vùng sản xuất giống đạt chứng nhận GlobalGAP 71.000m² và nuôi thương phẩm đạt chứng nhận VietGAP 103.700m². Năng suất và sản lượng của các hộ sản xuất giống tăng lên rõ rệt, cụ thể 6,93 kg/hộ/hộ/đợt so với đối chứng 1,50 - 2,00kg/hộ/hộ/đợt. Hộ nuôi thương phẩm theo tiêu chuẩn VietGAP năng suất bình quân là 185,30 tấn/ha/vụ nuôi so với các ao đối chứng là 127,04 tấn/ha/vụ nuôi.

4. Kết quả xây dựng chuỗi liên kết sản xuất và tiêu thụ cá lóc ở An Giang

- Chuỗi 1: Thông qua 03 hình thức cấu trúc là: tập trung trực tiếp, trung gian và phi chính thức. Mặc dù hình thức tập trung trực tiếp chưa hoàn chỉnh, liên kết giữa các thương lái chủ yếu là liên kết phi chính thức.

- Chuỗi 2: Thương lái thu gom cá dạt cung cấp cho các cơ sở chế biến: Cơ sở làm mắm xối, cơ sở chế biến khô và tiểu thương bán lẻ chợ truyền thống. Chuỗi này chủ yếu là hình thức liên kết phi chính thức giữa thương lái thu gom cá dạt với các cơ sở chế biến, với các tiểu thương bán lẻ chợ truyền thống thì gần như không có liên kết.

5. Xây dựng/cải tiến 03 quy trình chế biến các sản phẩm từ cá lóc

a) Sản phẩm Chà bông cá lóc: Chất khử mùi tanh thích hợp trong quá trình rửa là muối 2%, thời gian hấp thích hợp để chà bông có cấu trúc đẹp là 15 phút, nồng độ nước mắm và đường thích hợp trong quá trình ướp là 10% và 7%; tỷ lệ dầu màu hạt điều/gấc thích hợp để chà bông có màu đẹp là 0,25%.

b) Sản phẩm Khô cá lóc tẩm gia vị ăn liền: nồng độ muối thích hợp trong quá trình ướp là 15,05%, thời gian ủ lạnh thích hợp để khô có



Sản phẩm Chà bông cá lóc



Sản phẩm Khô cá lóc tằm gia vị ăn liền

cấu trúc mềm là 12,84 giờ; nhiệt độ sấy khô thích hợp là 79,82°C, sấy đến độ ẩm <32%.

c) Sản phẩm Khô cá lóc fillet: nồng độ muối và đường thích hợp trong quá trình ướp là 6% và 5%, nhiệt độ sấy khô thích hợp là 60°C, sấy đến độ ẩm <32%.



Sản phẩm Khô cá lóc phi lê

Từ các kết quả nghiên cứu trên, nhóm thực hiện đề tài đã đề xuất các kiến nghị sau:

1. Để thúc đẩy chuỗi liên kết sản xuất và tiêu thụ cho ngành hàng cá lóc phát triển và bền vững:

- Ngành hàng cá lóc cần được sắp xếp tổ chức lại sản xuất theo chuỗi, hướng đến chia sẻ đều quyền lợi cũng như rủi ro cho các tác nhân tham gia chuỗi để tạo động lực phát triển sản xuất cho người sản xuất giống, người nuôi, nhà chế biến,... đồng thời các tác nhân tham

gia chuỗi cũng phát huy được hết khả năng và thể hiện trách nhiệm của mình vì sản xuất theo chuỗi sẽ cho phép truy xuất được nguồn gốc, kiểm tra chất lượng, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, giúp tăng khả năng cạnh tranh khi sản phẩm được lưu thông trên thị trường (hiện nay khâu này chưa được quan tâm đúng mức). Từ đó sẽ góp phần nâng cao giá trị gia tăng và phát triển ổn định, bền vững cho ngành hàng này.

- Nâng cao năng lực tổ chức sản xuất và tuyên truyền nhận thức cho người nông dân về vai trò của liên kết đối với việc tăng cường sức mạnh của các nông hộ trong chuỗi liên kết sản xuất và tiêu thụ cá lóc thông qua củng cố năng lực và vai trò nòng cốt của các Tổ Hội Nghề nghiệp được nâng cấp lên Hợp tác xã.

- Cần phổ biến và hướng dẫn thực thi chính sách khuyến khích phát triển hợp tác liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp theo Nghị định số 98/2018/NĐ-CP của Thủ tướng Chính phủ ban hành ngày 05/7/2018 giúp các doanh nghiệp tham gia thực thi tốt vai trò nòng cốt, dẫn dắt trong môi liên kết.

- Tăng cường năng lực nghiên cứu phát triển thị trường, đặc biệt là cần tìm hiểu và nắm vững xu hướng nhu cầu, tìm thị trường xuất khẩu sang các nước có số đông người Châu Á sinh sống. Vì thế, cần có sự tham gia và định hướng của đơn vị chức năng trong tỉnh.

- Vai trò của quản lý nhà nước cũng không thể thiếu, cần có sự tham gia của Nhà nước thông qua các hệ thống văn bản pháp luật, các chính sách, kế hoạch để tạo môi trường thuận lợi, minh bạch, công bằng cho các hoạt động nuôi trồng, chế biến, tiêu thụ của ngành

(xem tiếp trang 35)



NHIỆM VỤ KH&CN CẤP TỈNH:

KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP TỈNH “NGHIÊN CỨU CẢI THIỆN QUY TRÌNH KỸ THUẬT NUÔI CÁ RÔ PHI, ĐIỀU HỒNG ĐỂ NÂNG CAO HIỆU QUẢ KINH TẾ, GIẢM GIÁ THÀNH SẢN PHẨM”

Lê Trần Như Thảo

Sở Khoa học và Công nghệ An Giang

Cá rô phi gọi chung là "tilapia" là nhóm cá có giá trị kinh tế và nuôi nhiều thứ 2 trên thế giới chỉ sau nhóm cá chép (*carp*) (Fitzsimmons và Gonzalez-Alanis, 2006). Ngày nay, tất cả cá rô phi có giá trị thương phẩm quan trọng được nuôi bên ngoài Châu Phi đều thuộc giống *Oreochromis* và hơn 90% là rô phi vằn (*Nile tilapia*, *O. niloticus*) (Popma và Masser, 1999; Watanabe và ctv., 2002). Năm 2018, sản lượng cá rô phi (*Nile tilapia*) nuôi của thế giới đạt sản lượng 4.525,5 nghìn tấn (chiếm 8,3% tổng sản lượng các loài nuôi chính), đứng thứ 3 sau cá trắm cỏ (*grass carp*) và mè hoa (*bighead carp*) (FAO, 2020).

Tại Việt Nam, năm 2015 tổng sản lượng cá rô phi các vùng trên cả nước là 187.800 tấn, diện tích đạt 25.748 ha và 1.210.465 m³ lồng nuôi, giá trị ước đạt 4.200 tỷ đồng, tương đương 200 triệu USD, chiếm khoảng 3% giá trị nuôi trồng thủy sản; trong đó đã xuất khẩu đi 60 nước, kim ngạch xuất khẩu trên 36 triệu USD (nguồn VASEP). Theo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, sản lượng cá rô phi trong năm 2020 ước hơn 250.000 tấn. Sản phẩm cá rô phi Việt Nam hiện đã xuất khẩu sang 68 quốc gia; trong đó, tiêu thụ mạnh nhất là thị trường Châu Âu và Châu Mỹ.

UBND tỉnh An Giang cũng đã ban hành Quyết định số 3115/QĐ-UBND ngày 20/10/20217 về phê duyệt Kế hoạch phát triển thủy sản bền vững tỉnh An Giang giai đoạn từ nay đến 2020, định hướng đến 2025. Theo kế hoạch này, một trong các sản phẩm chủ lực là cá rô phi, điều hồng với các mục tiêu là: ⁽¹⁾ dự án chọn tạo đàn cá rô phi, điều hồng bố mẹ chất lượng đến năm 2020; ⁽²⁾ phát triển hình thành các vùng lồng bè nuôi cá rô phi, điều hồng chất lượng cao và ⁽³⁾ chuỗi liên kết tiêu thụ từ sản xuất giống đến tiêu thụ xuất khẩu cá rô phi.

Để có thể nuôi được đối tượng cá rô phi, điều hồng mang lại hiệu quả về kinh tế, kỹ thuật thì cần có những cải tiến nhất định về quy trình kỹ thuật nhằm giảm chi phí, hạ giá thành sản phẩm. Từ những lý do trên, Sở Khoa học và Công nghệ đã tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định số 156/QĐ-UBND ngày 25/01/2018 về phê duyệt nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh “Nghiên cứu cải thiện quy trình kỹ thuật nuôi cá rô phi, điều hồng để nâng cao hiệu quả kinh tế, giảm giá thành sản phẩm”, do Trường Đại học An Giang chủ trì, TS. Phan Phương Loan chủ nhiệm. Mục tiêu nghiên cứu nhằm cải tiến thành công quy trình kỹ thuật



nuôi cá rô phi, điều hồng thương phẩm trong ao đất nhằm tạo ra nguồn nguyên liệu đạt tiêu chuẩn xuất khẩu; nâng cao hiệu quả sản xuất cho người nuôi và góp phần phát triển đối tượng này một cách bền vững.

Sau hơn 03 năm thực hiện, nhiệm vụ đã đạt được một số kết quả sau:

* Kết quả khảo sát:

- Nuôi cá rô phi ở An Giang được thực hiện trong ao và nuôi ghép với nhiều loài cá khác với các kỹ thuật đơn giản trong chuẩn bị ao, thả giống, chăm sóc... Người nuôi cá chưa có nhiều kinh nghiệm với kiến thức nuôi cá chủ yếu tích lũy từ kinh nghiệm bản thân hay từ người khác.

- Nuôi điều hồng (cá rô phi đỏ) ở Đồng Tháp được thực hiện trong lồng bè với các giải pháp kỹ thuật cơ bản trong vệ sinh lồng bè, thả giống, chăm sóc... Người nuôi cá cũng chưa có nhiều kinh nghiệm với kiến thức nuôi cá chủ yếu tích lũy từ kinh nghiệm bản thân hay từ người khác. Giống như ở An Giang, để phát triển nuôi cá rô phi thâm canh trong ao, các cơ quan có liên quan cần tổ chức các lớp tập huấn cũng như xây dựng các mô hình trình diễn để chuyển giao kỹ thuật cho người nuôi.

- Các yếu tố môi trường trong nghiên cứu nhiệm vụ đều ở trong giới hạn thích hợp cho sự phát triển của cá rô phi và điều hồng. Sau khi thu hoạch, nước ao nhìn chung đáp ứng yêu cầu để thải ra môi trường theo QCVN 02-26:2017/BNNPTNT.

- Cá rô phi được nuôi trong ao có sức khỏe kết hợp định kỳ sử dụng chế phẩm vi sinh có các chỉ tiêu sinh trưởng (tăng trưởng tuyệt đối theo ngày, tăng trưởng đặc biệt), hiệu quả sử

dụng thức ăn (lượng thức ăn tiêu thụ, hệ số thức ăn) và kết quả nuôi (năng suất, tỷ lệ sống) tốt hơn so với ao chỉ thay nước hay không có tác động.

- Với nền đất tốt, nuôi cá rô phi trong ao đất theo công nghệ Biofloc cho kết quả về sinh trưởng, hiệu quả sử dụng thức ăn và kết quả nuôi tương tự trong ao lót bạt hoàn toàn (cả bờ và đáy).

- Nuôi cá rô phi theo công nghệ Biofloc giúp loại trừ mùi hôi kể cả trong ao đất hay ao lót bạt. Ngoài ra, sản phẩm thu hoạch đáp ứng các chỉ tiêu về an toàn thực phẩm đối với các vi khuẩn E. coli., Staphylococcus spp. và Salmonella spp. theo tiêu chuẩn Việt Nam và thế giới.

- Cá rô phi và điều hồng được nuôi trong ao có kiểm soát tảo bằng cách sử dụng hóa chất sulphate đồng để diệt tảo khi độ trong < 30cm hay tích cực thay nước trước khi thu hoạch có các chỉ tiêu sinh trưởng (tăng trưởng tuyệt đối theo ngày, tăng trưởng đặc biệt), hiệu quả sử dụng thức ăn (lượng thức ăn tiêu thụ, hệ số thức ăn) là tương đương nhau, giúp loại trừ mùi hôi trên cá và sản phẩm thu hoạch đáp ứng các chỉ tiêu về an toàn thực phẩm đối với các vi khuẩn E. Coli, Staphylococcus spp. và Salmonella spp. theo tiêu chuẩn Việt Nam và thế giới.

- Nuôi cá điều hồng trong ao đất ứng dụng BFT mang lại hiệu quả kinh tế cao hơn so với nuôi lồng bè do có FCR thấp hơn, tỷ lệ sống cao hơn và giá thành thấp hơn. Ngoài ra, cá nuôi ao theo BFT cho chất lượng cá đạt tiêu chuẩn xuất khẩu (an toàn vệ sinh thực phẩm về vi sinh và không có dư lượng kháng sinh và không mùi hôi).



Cá rô phi thương phẩm nguyên con và cá rô phi phi lê



Cá rô phi đỏ thương phẩm

* Kết quả nghiên cứu cho phép xây dựng quy trình kỹ thuật nuôi cá rô phi, điều chỉnh nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế, giảm giá thành sản phẩm; đó là nuôi cá rô phi, điều chỉnh trong ao đất theo công nghệ biofloc (BFT) với các thông số kỹ thuật chính như sau:

- Thời gian nuôi: 5 tháng (7,5 tháng)
- Tỷ lệ sống: $\geq 80\%$ ($\leq 80\%$)
- Hệ số thức ăn: 1,3 - 1,4 (1,7-1,8)
- Năng suất: ≥ 20 T/ha (20 T/ha)
- Tiết kiệm chi phí thức ăn so với nuôi thâm canh không áp dụng BFT: 20 - 25%

* Mô hình sản xuất cá điều chỉnh trong ao theo công nghệ BFT có tỷ suất lợi nhuận đạt 11,5% và sản phẩm đạt tiêu chuẩn xuất khẩu.

Kết quả nghiên cứu cho thấy việc nuôi cá rô phi và điều chỉnh trong ao đất theo công nghệ Biofloc với các giải pháp cơ bản gồm sục khí, bổ sung carbon, sử dụng thức ăn viên nổi, áp dụng chế phẩm vi sinh, kiểm soát tảo... đã gia tăng hiệu quả sử dụng thức ăn viên, cho tỷ lệ sống và năng suất cao, sản phẩm thu hoạch đáp ứng tiêu chí an toàn vệ sinh thực phẩm và môi trường, đạt hiệu quả kinh tế cao. Nhiệm vụ sau khi nghiệm thu được chuyển giao cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn An Giang, Trung tâm Công nghệ sinh học An Giang và các tổ chức, cá nhân khác trên địa bàn tỉnh An Giang tiếp nhận ứng dụng và nhân rộng theo quy định./.



NHIỆM VỤ KH&CN CẤP CƠ SỞ:

XÂY DỰNG MÔ HÌNH SẢN XUẤT THỰC NGHIỆM SẢN PHẨM CHẢ CÁ LÓC THEO HƯỚNG VỆ SINH AN TOÀN THỰC PHẨM TẠI THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC

Trương Thị Bích Thuận

Phòng Kinh tế thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang

Mô hình nuôi cá lóc của tỉnh An Giang đã phát triển từ nhiều năm qua, tuy nhiên mới phát triển mạnh trong những năm gần đây với hình thức nuôi trong bồn, bể lót bạt... Theo kết quả điều tra thống kê thủy sản thời điểm 01/6/2019 của Cục Thống kê và Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn An Giang, thì diện tích nuôi cá lóc trên toàn tỉnh An Giang là 59,21 ha với tổng sản lượng hàng năm khoảng 6.000 tấn/năm. Việc tăng đột biến diện tích cá lóc không những dẫn đến nguy cơ ô nhiễm môi trường mà còn gây áp lực, ảnh hưởng đến thị trường tiêu thụ cũng như đời sống người nuôi cá. Các sản phẩm chế biến từ cá lóc tại An Giang chỉ tập trung vào 02 dòng sản phẩm chính là khô cá và mắm, nên việc phát triển và đa dạng hóa sản phẩm từ cá lóc, góp phần kiểm soát thị trường cá lóc cũng như nâng cao giá trị kinh tế của loài cá này đã trở thành yêu cầu bức thiết. Góp phần sử dụng hiệu quả nguồn nguyên liệu này, giúp giải quyết chủ động đầu ra cho cá lóc, đảm bảo giá cả và bình ổn đời sống cho người dân. Chính vì vậy, ngày 02/6/2020, Sở Khoa học và Công nghệ đã hỗ trợ kinh phí thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu KH&CN cấp cơ sở “Xây dựng mô hình sản xuất thực nghiệm sản phẩm chả cá lóc theo hướng vệ sinh an toàn thực phẩm tại TP. Châu Đốc” tại Quyết định số 160/QĐ-SKHCN, do Trung tâm Y tế TP. Châu Đốc là đơn vị chủ trì, Thạc sĩ Trương Thị Bích Thuận làm chủ nhiệm.

Nhiệm vụ được thực hiện từ tháng 10/2020 - 12/2021, với mục tiêu thiết lập quy trình chế biến và xây dựng được mô hình sản xuất thực nghiệm sản phẩm chả cá lóc đạt tiêu chuẩn an toàn vệ sinh thực phẩm theo quy định và góp phần tạo ra sản phẩm đặc trưng của địa phương, có khả năng liên doanh/liên kết với doanh nghiệp để sản xuất thương mại.

Nhiệm vụ đã sử dụng phương pháp điều tra, thu thập số liệu kết hợp với các phương pháp phân tích phù hợp để đánh giá, phân tích kết quả, một số kết quả đạt được như sau:

Dựa trên bảng điều tra được thiết lập, tiến hành điều tra, thu thập thông tin từ các hộ sản xuất, kinh doanh chả cá tại thành phố Châu Đốc. Với 40 cơ sở được điều tra, thông tin thu thập từ 40 hộ. Kết quả điều tra cho thấy, các sản phẩm kinh doanh gồm chả cá dạng tươi (giò sống) chiếm 54,29%; chả cá viên/khoanh đã luộc, hấp chín (chiếm 68,57%) và 22,86 hộ kinh doanh chả cá chiên sẵn. Hình thức tiêu thụ chủ yếu là người tiêu dùng mua trực tiếp (chiếm 100%), với sản lượng chả cá bình quân mua bán/ngày khá thấp chỉ từ dưới 5 - 10kg/ngày. Quy mô sản xuất chả cá chủ yếu ở quy mô nhỏ, 3/5 sản xuất <50 kg/ngày; 01 cơ sở sản xuất quy mô 50÷200 kg/ngày và 01 cơ sở sản xuất trên 200kg/ngày. Chả cá đa phần được tiêu thụ ở dạng bán thành phẩm (chả cá tươi) và chả cá hấp. Bên cạnh đó, quy mô sản xuất còn nhỏ lẻ (khối lượng nguyên liệu sử dụng dưới 200kg/ngày chiếm 80% số cơ sở



sản xuất) trong khi nhu cầu sử dụng các sản phẩm chả cá có xu hướng tăng nhiều và các cơ sở sản xuất đều có nhu cầu phát triển thêm sản phẩm chả cá từ cá lóc. Vì với sự đa dạng các sản phẩm chả cá chế biến từ cá lóc, người tiêu dùng có thêm nhiều lựa chọn để đang dạng món ăn trong khẩu phần.

Kết quả phân tích cho thấy các mẫu cá lóc nguyên liệu trong chế biến chả cá không tồn tại dư lượng 02 loại kháng sinh (enrofloxacin và ciprofloxacin). Điều này cho thấy, nguyên liệu sử dụng là an toàn và đạt chất lượng theo Thông tư số 10/2016/TT-BNNPTNT ngày 01/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Danh mục thuốc thú y được phép lưu hành, cấm sử dụng ở Việt Nam, công bố mã hồ sơ đối với thuốc thú y nhập khẩu được phép lưu hành tại Việt Nam.



Nguyên liệu trong chế biến chả cá

Kết quả nghiên cứu cũng đã xác định được các thông số kỹ thuật của quá trình chế biến 03 dòng sản phẩm chả cá từ nguyên liệu cá lóc cũng như điều kiện bảo quản để duy trì chất lượng sản phẩm. Xây dựng thành công 01 mô hình sản xuất chả cá lóc đạt tiêu chuẩn an toàn thực phẩm tại cơ sở sản xuất với quy mô 200kg nguyên liệu/ngày.

Tất cả sản phẩm đều đáp ứng được các tiêu chuẩn sản xuất thực phẩm, được kiểm soát chất lượng nguyên liệu và sản phẩm thông qua việc phân tích các chỉ tiêu vi sinh vật, hóa lý



Một số hình ảnh trong hoạt động tập huấn



Các sản phẩm chả từ cá lóc

và kim loại nặng. Chất lượng 03 sản phẩm chả cá lóc vẫn được duy trì sau 10 ngày bảo quản lạnh (nhiệt độ 0-4°C).

Kết quả nghiên cứu đã giúp cho cá lóc nâng cao giá trị gia tăng, nâng cao hiệu quả kinh tế cũng như có tính ứng dụng cao. Đề tài cũng đề xuất giải pháp duy trì và phát triển các sản phẩm chả cá vào điều kiện sản xuất thực tế dựa trên việc tư vấn điều kiện nhà xưởng, thiết bị sản xuất phù hợp với quy mô của cơ sở, huấn luyện kỹ thuật và chuyển giao quy trình công nghệ. Đồng thời, ước tính cơ bản hiệu quả tài chính của quá trình sản xuất sản phẩm chả cá từ nguồn nguyên liệu cá lóc trên địa bàn thành phố Châu Đốc, làm cơ sở cho việc duy trì và phát triển chế biến, tiêu thụ bền vững./.



TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ SINH HỌC TỈNH AN GIANG

MỘT SỐ QUY TRÌNH CÔNG NGHỆ CÓ THỂ CHUYÊN GIAO



Quy trình sản xuất nấm đông trùng hạ thảo



Quy trình sản xuất trà túi lọc đinh lăng



Quy trình sản xuất trà túi lọc chùm ngây



Quy trình sản xuất rượu vang thốt nốt



Quy trình sản xuất rượu đông trùng hạ thảo



Quy trình sản xuất rượu vang dâu tằm



Quy trình kỹ thuật trồng cà chua baby



Quy trình sản xuất bột củ huyền



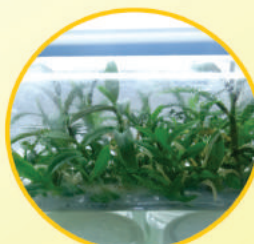
Quy trình sản xuất tinh dầu chúc



Con giống và quy trình sản xuất giống cá trên bầu



Cây giống sùng thảo nuôi cấy mô



Cây giống lan giả hạc nuôi cấy mô

Chi tiết liên hệ:

Trụ sở: ấp Vĩnh Phước, thị trấn Vĩnh Bình, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang
VPĐD: 269A, Nguyễn Thái Học, phường Mỹ Hòa, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang
Điện thoại: (0296) 3953631



**TRUNG TÂM ỨNG DỤNG TIẾN BỘ
KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ AN GIANG**
MỘT SỐ QUY TRÌNH CÔNG NGHỆ CÓ THỂ CHUYÊN GIAO



Quy trình sản xuất bịch phân nấm bảo ngư, linh chi



Quy trình sản xuất bột linh chi hoà tan



Thiết kế, lắp đặt Nhà sấy năng lượng mặt trời



Lắp đặt hệ thống tưới bằng năng lượng mặt trời cho vườn cây ăn trái



Quy trình sản xuất rượu nếp



Quy trình sản xuất rượu nho rừng



Quy trình sản xuất rượu chuối hột



Quy trình trồng dưa lê, dưa lưới theo hướng hữu cơ



Quy trình sản xuất giống khổ qua ghép gốc mướp và cà chua gốc ghép



Quy trình sản xuất hạt sen chiên giòn



Quy trình sản xuất chuối sấy dẻo



Quy trình sản xuất sắn riềng sấy thăng hoa



Quy trình sản xuất tinh bột nghệ

Chi tiết liên hệ:

Trụ sở: 17 Lê Lai, phường Mỹ Bình, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

Trại Thực nghiệm KH&CN: QL91, ấp Bình Phú 2, xã Bình Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang

Điện thoại: (0296) 3954305 - (0296) 3652553



PHÂN LẬP VÀ TUYỂN CHỌN DÒNG VI KHUẨN CÓ KHẢ NĂNG SINH HOẠT TÍNH DIỆT SÂU

Nguyễn Hoài Vững - Nguyễn Phạm Tuấn

Trung tâm Công nghệ sinh học tỉnh An Giang

1. Giới thiệu

Để đáp ứng nhu cầu lương thực thực phẩm trong nước và xuất khẩu nền nông nghiệp nước ta đang áp dụng các biện pháp thâm canh cao, với việc sử dụng ngày càng nhiều phân bón, thuốc bảo vệ thực vật (BVTV) có nguồn gốc hóa học nhằm tăng năng suất và chất lượng nông sản, hạn chế bệnh do sâu hại gây ra. Tuy nhiên, sự thâm canh trong nông nghiệp ngày càng nhiều đã làm cho đất đai thoái hóa, mất cân bằng dinh dưỡng, hệ vi sinh vật trong đất bị tiêu diệt, tồn dư các chất độc hại trong đất ngày càng cao... Nguy hiểm hơn là việc sử dụng tùy tiện liều lượng và thời gian phun dẫn đến dư lượng thuốc BVTV trong nông sản ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe người lao động, người tiêu dùng, làm giảm khả năng tiêu thụ cũng như xuất khẩu nông sản qua các thị trường nước ngoài. Do đó, xu hướng quay trở lại nền nông nghiệp hữu cơ với việc tăng cường ứng dụng đấu tranh sinh học trong sản xuất nông nghiệp ở Việt Nam đang được chú ý. Trong tự nhiên, có hơn 90 loại vi khuẩn chuyên biệt diệt côn trùng đã được phân lập từ côn trùng, cây cối và trong đất, nước. Chế phẩm thuốc trừ sâu sinh học vi sinh trừ sâu bao gồm các chủng vi sinh: *Aspergillus oryzae*, *Bacillus thuringiensis*, *Bacillus sphaericus*, *Beauveria bassiana*, *Metarhizium anisopliae*... Ưu điểm nổi bật nhất của thuốc trừ sâu sinh học là ít độc với con người và môi trường, không độc với các sinh vật có ích, với các loài thiên địch

nên bảo vệ được sự cân bằng sinh học trong tự nhiên (cân bằng giữa thiên địch và sâu hại), ít gây tình trạng bùng phát sâu hại. Bên cạnh đó, thuốc mau phân hủy trong tự nhiên, ít để lại dư lượng độc trên nông sản và có thời gian cách ly ngắn nên rất thích hợp sử dụng cho các nông sản yêu cầu có độ sạch cao như các loại rau, chè. Xuất phát từ thực tế, nghiên cứu “Phân lập và tuyển chọn dòng vi khuẩn có khả năng sinh hoạt tính diệt sâu” được thực hiện nhằm tuyển chọn được các dòng vi khuẩn tiềm năng có khả năng diệt sâu phù hợp với điều kiện của tỉnh An Giang, góp phần giảm thiểu ô nhiễm môi trường, hướng đến một nền nông nghiệp bền vững và thích ứng với biến đổi khí hậu.

2. Vật liệu và phương pháp nghiên cứu

2.1 Vật liệu nghiên cứu

Thời gian: tháng 1/2021 đến 12/2021.

Địa điểm nghiên cứu: thực hiện tại Trung tâm Công nghệ Sinh học An Giang.

Hóa chất và thiết bị: máy đo pH, nồi hấp thanh trùng, môi trường T3, Na... hóa chất và thiết bị cần thiết khác. Các mẫu đất, mùn thóc và sâu hại được thu thập tại Trung tâm Công nghệ Sinh học An Giang.

2.2 Phương pháp nghiên cứu

2.2.1 Phân lập và tuyển chọn dòng vi khuẩn có đặc tính diệt sâu khoang

Các mẫu phân lập được lấy từ xác sâu



khoang, mùn thóc, đất ở các khu vực đồng ruộng (Hình 1). Đối với mẫu xác côn trùng sau khi thu thập thì được rửa nhẹ nhàng trong nước cất vô trùng để loại bỏ bụi và vi khuẩn bám dính bề mặt. Sau khi thu thập các mẫu phân lập, các mẫu xác sâu khoang, đất, mùn thóc được nghiền rồi trộn với 10 ml môi trường T3 lỏng chứa 0,25 M đệm natri acetate (pH = 6,8) và lắc trong 4 giờ ở 150 vòng/phút, nhiệt độ 30°C. Mẫu được xử lý nhiệt ở 80°C trong 3 phút. Tiến hành lấy 0,2 ml dịch nổi trên đĩa petri có môi trường T3 nuôi ở 30°C trong 3 ngày. Chọn các khuẩn lạc đơn lẻ và làm thuần bằng cách cấy ria trên môi trường T3.



Hình 1. Mẫu thí nghiệm thu thập.

Nuôi cấy các chủng trên môi trường *H de Barjac* ở 30°C, lắc 220 vòng/phút trong 40 giờ. Sau đó, tiến hành xác định số lượng bào tử, và khi bào tử đạt số lượng bào tử 10⁹ bào tử trở lên thì tiếp tục tiến hành thử hoạt tính diệt sâu. Thử hoạt tính diệt sâu khoang theo Nguyễn Thiện Phú và Trần Thanh Thủy (2013). Thí nghiệm thử hoạt tính diệt sâu khoang sẽ được bố trí trong hộp nhựa, sâu khoang sẽ được cho ăn bằng lá cải đã được nhúng dịch lên men vi khuẩn được pha loãng đạt đến nồng độ 10⁷ khuẩn lạc/mL. Nước cất để làm mẫu đối chứng. Sau 1, 3, 5 và 7 ngày sau khi cho ăn lần đầu ghi nhận tỷ lệ tử vong.

Chỉ tiêu theo dõi: hình thái khuẩn lạc (KL), hình thái tế bào (TB), tỷ lệ sâu chết hay độ hữu hiệu diệt sâu sau 1, 3, 5, 7 ngày; Độ hữu hiệu (Abbort, 1925).

$$\text{ĐHH (\%)} = \frac{C-T}{C} \times 100$$

Trong đó: C: phần trăm sâu còn sống ở nghiệm thức đối chứng.

T: phần trăm sâu còn sống ở nghiệm thức xử lý bằng dịch vi khuẩn.

Các dòng vi khuẩn tiềm năng được tiến hành phân tích trình tự gene vùng 16S rRNA và so sánh kết quả giải trình tự trên ngân hàng gene.

2.2.2 Thử nghiệm sản xuất sinh khối vi khuẩn trên môi trường lỏng

Chủng vi khuẩn có hoạt tính diệt sâu cao nhất (MT3) được hoạt hóa trên môi trường T3. Sau đó, tiến hành nuôi cấy nhân sinh khối cấp một ở môi trường trên môi trường Luria Bertani (LB), pH:7,5 trong 96 giờ ở nhiệt độ phòng 200 rpm và đếm mật số khuẩn lạc. Khi mật số 10⁸ tế bào/mL, bổ sung 4% (v/v) trên mỗi nghiệm thức.

Nghiệm thức NT1: Luria Bertani (LB), muối (0.002 g/l FeSO₄, 0.02 g/l ZnSO₄, 0.02 g/l MnSO₄, 0.3 g/l MgSO₄), pH:7,5.

Nghiệm thức NT2: Luria Bertani (LB), muối (0.002 g/l FeSO₄, 0.02 g/l ZnSO₄, 0.02 g/l MnSO₄, 0.3 g/l MgSO₄) và 2g/l glucose, pH:7,5.

Nghiệm thức NT3: Luria Bertani (LB), muối (0.002 g/l FeSO₄, 0.02 g/l ZnSO₄, 0.02 g/l MnSO₄, 0.3 g/l MgSO₄) và 2g/l ri đường, pH:7,5.



Nghiệm thức NT4: glucose 15g/l, bột đậu nành 5g/l, muối (0.002 g/l FeSO₄, 0.02 g/l ZnSO₄, 0.02 g/l MnSO₄, 0.3 g/l MgSO₄), pH:7,5.

Nghiệm thức NT5: rỉ đường 15g/l, bột đậu nành 5g/l, muối (0.002 g/l FeSO₄, 0.02 g/l ZnSO₄, 0.02 g/l MnSO₄, 0.3 g/l MgSO₄), pH:7,5.

Chi tiêu theo dõi: Số lượng khuẩn lạc sau 24, 48, 72, 96 giờ.

2.2.3 Đánh giá hiệu quả diệt sâu khoang trong phòng thí nghiệm

Thí nghiệm được bố trí theo thể thức hoàn toàn ngẫu nhiên với 6 nghiệm thức (103 đến 108) và nghiệm thức đối chứng, mỗi lần lập lại gồm 10 ấu trùng SAT tuổi 2 (trước khi bố trí thí nghiệm cần bỏ đối SAT trước 12 giờ). Sử dụng phương pháp cho ăn nhỏ giọt (Kunimi và Nakai, 2001), mỗi sâu tuổi 2 uống 2 μL. Sau khi chủng nhiễm sẽ chuyển từng ấu trùng vào hộp có thể tích 30 mL có sẵn thức ăn nhân tạo. Chỉ tiêu theo dõi: số sâu sống 3, 5, 7, 9, 12 ngày. Độ hữu hiệu (Abbort, 1925).

$$DHH (\%) = \frac{c-T}{c} \times 100$$

Trong đó: C: phân trăm sâu còn sống ở nghiệm thức đối chứng.

T: phân trăm sâu còn sống ở nghiệm thức xử lý dịch vi khuẩn.

2.2.4 Hiệu quả diệt sâu khoang trong nhà lưới đối với đối tượng cải ngọt

Cây cải ngọt 30 ngày tuổi được trồng trong chậu và đã được thả sâu ăn tạp. Phương pháp thực hiện thí nghiệm là lựa chọn nghiệm thức nồng độ cho hiệu quả diệt sâu tốt nhất

ở nội dung 3 và dịch sản phẩm vi khuẩn sinh học trên thị trường phun lên cây cải 30 ngày tuổi đã được thả sâu, sau đó khảo sát số sâu trên ở tất cả các nghiệm thức trước khi phun thuốc 1 ngày và sau khi phun thuốc 3, 5, 7 và 9 ngày.

Nghiệm thức 1: đối chứng (nước); Nghiệm thức 2: MT3; Nghiệm thức 3: BIO-B.

Chỉ tiêu theo dõi: đếm số sâu trên ở tất cả các nghiệm thức sau khi phun thuốc 1, 3, 5 và 7 ngày. Độ hữu hiệu (Abbort, 1925).

3. Phương pháp thống kê

Số liệu được xử lý bằng phần mềm excel và thống kê bằng phần mềm Statgraphics plus 16.0. Số liệu được trình bày dưới dạng trung bình ± sai số chuẩn.

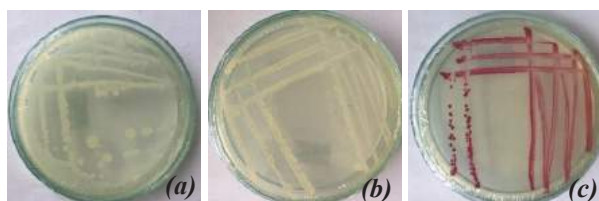
4. Kết quả và thảo luận

4.1 Phân lập và tuyển chọn các dòng vi khuẩn có đặc tính diệt sâu khoang

Từ các mẫu thu thập lấy từ xác sâu khoang, mùn thóc, đất ở khu vực đồng ruộng, phân lập thu được 30 mẫu vi khuẩn. Trong đó, mẫu đất phân lập được 18 mẫu (D1-D18) (chiếm 60%), mẫu mùn thóc phân lập được 5 mẫu (MT1-MT5) (chiếm 16,67%) và mẫu sâu phân lập được 7 mẫu (S1-S7) (chiếm 23,33%). Phân tích độ hữu hiệu của các dòng vi khuẩn, dòng vi khuẩn MT3 tiềm năng nhất và có độ hữu hiệu đạt 60%.

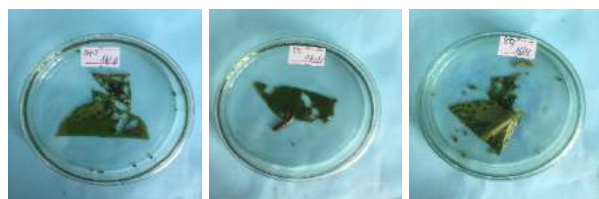
Bảng 1. Các dòng vi khuẩn phân lập từ các mẫu thí nghiệm.

STT	Nguồn phân lập	Số lượng mẫu phân lập	Ký hiệu
Đồng ruộng	Đồng ruộng	18	D1-D18
Xác sâu	Xác sâu	7	S1-S7
Mùn thóc	Mùn thóc	5	MT1-MT3



Hình 2. Hình dạng khuẩn lạc của một số mẫu vi khuẩn phân lập.

(a) Từ đất, (b) xác sâu và (c) mùn thóc.



Hình 3. Một số dòng vi khuẩn có hoạt tính diệt sâu cao được phân lập.

4.2 Nghiên cứu thử nghiệm sản xuất sinh khối vi khuẩn trên môi trường lỏng

Sau 96 giờ nuôi cấy, nghiệm thức 3 (môi trường LB + muối + rỉ đường) số lượng khuẩn lạc tăng chậm trong 24 giờ đầu (14×10^6 cfu/mL), duy trì sự tăng trưởng ở những giờ tiếp theo, đạt mật số tối ưu sau 96 giờ nuôi cấy (24×10^8 cfu/mL) (Bảng 2). Nghiệm thức 3, môi trường có bổ sung rỉ đường cung cấp dinh dưỡng, carbohydrat ở dạng đường đa tạo điều kiện cho quá trình tăng sinh của vi khuẩn ổn định, kéo dài và duy trì mật số tối ưu so với những môi trường khác.

Bảng 2. Mật số khuẩn lạc (cfu/mL) ghi nhận sau 24, 48, 72 và 96 giờ nuôi cấy trong môi trường lỏng

STT	Nghiệm thức	Thời gian nuôi cấy (giờ)			
		24	48	72	96
1	Nghiệm thức 1	13×10^7	17×10^6	37×10^6	47×10^5
2	Nghiệm thức 2	8×10^7	17×10^7	49×10^6	40×10^5
3	Nghiệm thức 3	14×10^6	26×10^6	44×10^7	24×10^8
4	Nghiệm thức 4	0	0	18×10^6	39×10^6
5	Nghiệm thức 5	0	0	0	0

4.3 Hiệu quả diệt sâu khoang trong phòng thí nghiệm của dòng vi khuẩn MT3

Thời điểm 3 ngày sau khi chùng (NSKC), cả 6 nồng độ đều cho hiệu quả tương đương

nhau dao động từ 15,6 đến 20,8%, nhưng không khác biệt thống kê (Bảng 3). Đến thời điểm 5 NSKC, mật số tế bào (10^7 và 10^8 tế bào/mL) cho hiệu quả cao đạt 82,9% và 94,7% và đến ngày 7 đạt 100%. Đến ngày 12 NSKC, mật số tế bào (10^5 và 10^6 tế bào/mL) cho độ hữu hiệu đạt 100%.

Bảng 3. Độ hữu hiệu trên sâu của dòng vi khuẩn MT3 trong phòng thí nghiệm

Nghiệm thức	Ngày sau khi chùng			
	3	5	7	9
10^3	15,6	54,1c	81,9c	93,0b
10^4	17,7	49,0c	84,3bc	95,5b
10^5	18,8	76,4b	88,8bc	95,3 ab
10^6	18,8	75,5b	94,4b	100,0a
10^7	19,8	82,9ab	100,0a	100,0a
10^8	20,8	94,7 a	100a	100,0a
F	ns	**	**	*

Các số trong cùng một cột có chữ theo sau giống nhau thì không khác biệt có ý nghĩa thống kê. ns: không khác biệt qua phân tích thống kê; *: khác biệt ở mức ý nghĩa 5%; **: khác biệt ở mức ý nghĩa 1%

Bảng 4: Độ hữu hiệu (%) của vi khuẩn MT3 đối với sâu trong điều kiện nhà lưới

Nghiệm thức	Ngày sau khi chùng nhiễm				
	3	5	7	9	12
Đôi chùng	2,1	3,2 ^c	9,8 ^c	21,7 ^c	23,9 ^c
BIO-B	3,1	15,0 ^{ab}	32,7 ^{ab}	41,7 ^{ab}	53,3 ^{ab}
Vi khuẩn phân lập	3,1	13,9 ^{ab}	30,4 ^b	52,8 ^a	66,8 ^a
F	ns	*	*	*	*

Các số trong cùng một cột có chữ theo sau giống nhau thì không khác biệt có ý nghĩa thống kê. ns: không khác biệt qua phân tích thống kê; *: khác biệt ở mức ý nghĩa 5%; **: khác biệt ở mức ý nghĩa 1%

4.4 Đánh giá hiệu quả diệt sâu khoang trong nhà lưới của dòng vi khuẩn MT3

Tiến hành trồng cải ngọt cho quá trình thí nghiệm với 30 chậu cải ngọt. Giống cải ngọt thí nghiệm là giống của công ty Trang Nông. Tỷ lệ chết của sâu ăn tạp tăng dần theo thời gian khảo sát và có sự khác biệt giữa các



nghiệm thức. Ở thời điểm 12 ngày sau khi chủng, nghiệm thức vi khuẩn MT3 cho hiệu quả 66,8% và cao hơn nghiệm thức BIO-B đạt 53,3% (Bảng 4). Điều này cho thấy, vi khuẩn MT3 có hiệu quả với sâu khoang tương đương sản phẩm BIO-B của thị trường.

Phân tích trình tự gene 16S của dòng vi khuẩn MT3 cho thấy, dòng vi khuẩn MT3 có độ tương đồng với dòng vi khuẩn *Serratia marcescens* (99,93%).

5. Kết luận

Phân lập được 30 dòng vi khuẩn từ mùn thóc, đất và mẫu sâu hại. Dòng khuẩn MT3 cho hiệu quả diệt sâu đạt 60%. Dòng vi khuẩn

MT3 là dòng vi khuẩn *Serratia marcescens* với độ tương đồng là 99,93%.

Môi trường nhân sinh khối lỏng cho dòng vi khuẩn tiềm năng MT3 là Luria Bertani (LB), muối (0.002 g/l FeSO₄, 0.02 g/l ZnSO₄, 0.02 g/l MnSO₄, 0.3 g/l MgSO₄) và 2g/l rỉ đường, pH:7,5.

Vi khuẩn MT3 với mật số tế bào vi khuẩn 108 tế bào/mL cho hiệu quả diệt sâu khoang đạt hiệu quả 100% sau 9 ngày xử lý trong điều kiện phòng thí nghiệm.

Dòng vi khuẩn MT3 (108 tế bào/mL) cho hiệu quả diệt sâu khoang đạt hiệu quả 66,8% sau 05 ngày xử lý và có kết quả tương đồng với sản phẩm thương mại BIO-B (53,3%).

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Nguyễn Thị Hiền (2012). *Nghiên cứu đặc điểm sinh học của một số chủng Bacillus thuringiensis sinh protein tinh thể diệt côn trùng cánh vảy*. Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam – Viện Sinh thái và Tài Nguyên Vi sinh vật.

Nguyễn Thiện Phú, Trần Thanh Thủy (2013). *Phân lập, tuyển chọn chủng Bacillus Thuringiensis từ rùng ngạp mặn Cần Giờ có hoạt tính diệt sâu*. Tạp chí khoa học ĐHSP TPHCM. Số 53.

Takaaki Ishii and Micho Ohba (1993). *Diversity of Bacillus thuringiensis environmental isolates showing larvicidal activity specific for mosquitoes*. Journal of General Microbiology. 139, 2849-2854.

Cap Kim Cuong, Le Thi Mai, Nguyen Minh Ly. “*Tổng Quan: Đa dạng chủng Bacillus Thuringiensis Và tiềm năng ứng dụng Trong Tiêu diệt Tế bào Ung Thư ở Việt Nam*”. Tạp Chí KH&CN - Đại học Đà Nẵng, 18(9): 69-74.

Mohamed A. Ibrahim, Matthew Junker and Lee A. Bulla. 2010. *Bacillus thuringiensis A genomics and proteomics perspective*. Bioengineered Bugs 1:1, 31-50.

Mekhael, R., Yousif, S. Y. (2009). *The role of red pigment produced by Serratia marcescens as antibacterial and plasmid curing agent*. Journal of Duhok University 12: 268-274.

Vijayalakshmi et al (2016), *Production of Prodigiosin from Serratia marcescens and its antioxidant and anticancer potential*, International Journal of Advanced Research in Biological Sciences Volume 3, Issue 3 – 2016, 3(3): 75 – 88.

KẾT QUẢ XÂY DỰNG, ÁP DỤNG, DUY TRÌ VÀ CẢI TIẾN HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG TIÊU CHUẨN QUỐC GIA TCVN ISO 9001:2015 TRONG NĂM 2021 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH AN GIANG

Phạm Văn Cao

Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng

Trong những năm vừa qua, Chính phủ đã có nhiều nỗ lực trong việc đẩy mạnh quá trình cải cách hành chính với mục đích nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của các cơ quan hành chính Nhà nước. Trong đó, việc áp dụng hệ thống quản lý chất lượng (HTQLCL) theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 đã từng bước trở thành công cụ quản lý hàng ngày và được xem là công cụ đặc lực giúp nâng cao chất lượng giải quyết công việc của các cơ quan hành chính nhà nước.

Trong năm 2021, Sở Khoa học và Công nghệ đã tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng HTQLCL theo Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN ISO 9001 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước. Một số kết quả đạt được cụ thể như sau:

- Phối hợp với Công ty TNHH Tư vấn Quản lý quốc tế và Hỗ trợ kỹ thuật cao đã triển khai tư vấn xây dựng, áp dụng HTQLCL theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 tại 05 cơ quan cấp tỉnh là Ban Tôn giáo, Ban Thi đua Khen thưởng, Ban Dân tộc, Chi cục Văn thư Lưu trữ và Chi cục Quản lý Đất đai theo Quyết định số 2944/QĐ-UBND ngày 17/12/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang phê duyệt Kế hoạch Xây dựng và áp dụng HTQLCL theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015



Công tác tập huấn tập huấn kỹ năng đánh giá nội bộ cho 5 cơ quan cấp tỉnh

tại các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước.

- Tính đến thời điểm hiện nay, toàn tỉnh An Giang có 202 cơ quan hành chính nhà nước đã công bố việc xây dựng, áp dụng HTQLCL phù hợp với Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 (đạt 100%), cụ thể gồm: 35 cơ quan cấp tỉnh (22 sở, ban ngành cấp tỉnh, 13 cơ quan chuyên môn thuộc Sở), 11 Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố, 156 UBND xã, phường, thị trấn.

- Thực hiện Thông tư số 26/2014/TT-BKHCN ngày 10/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết thi hành Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ: Sở Khoa học và Công nghệ đã xây dựng Kế hoạch kiểm tra ISO trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt,



Công tác Kiểm tra ISO tại Sở Giao thông vận tải tỉnh An Giang

Quyết định thành lập Đoàn kiểm tra và tổ chức triển khai thực hiện. Mặc dù, tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp đã ảnh hưởng đến công tác kiểm tra, cũng như cơ quan được kiểm tra nhưng Đoàn kiểm tra vẫn linh hoạt, chủ động tham mưu thực hiện kết hợp kiểm tra trực tiếp tại trụ sở 17/66 cơ quan hành chính và kiểm tra thông qua hồ sơ, báo cáo của các cơ quan còn lại.

Qua kết quả kiểm tra cho thấy lãnh đạo các cơ quan, ban ngành áp dụng HTQLCL đã thường xuyên đôn đốc, giám sát việc tổ chức thực hiện của các phòng, ban, đơn vị thuộc các cơ quan; trực tiếp giao nhiệm vụ, thành lập các Ban Chỉ đạo ISO, tạo điều kiện thuận lợi trong duy trì và cải tiến HTQLCL phù hợp với các quy trình tác nghiệp trong hoạt động chuyên môn, đồng thời, giúp các cơ quan hành chính nhà nước rà soát thường xuyên và kịp thời loại bỏ những văn bản, thủ tục hết hiệu lực, không hiệu quả.

- Ngày 09/4/2021, Sở Khoa học và Công nghệ đã tham dự Hội nghị Sơ kết việc triển khai Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg do Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì tổ chức tại Thành phố Hà Nội. Qua Hội nghị đã đánh giá, ghi nhận kết quả đạt được, đồng thời thảo luận,



Lễ trao bằng khen cho các tập thể và các nhân có thành tích xuất sắc trong Hội nghị Sơ kết Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg tại Thành phố Hà Nội, tháng 4/2021

trao đổi về các khó khăn, vướng mắc, từ đó đưa ra giải pháp, kiến nghị để tiếp tục nâng cao hiệu lực, hiệu quả của việc xây dựng, áp dụng và duy trì, cải tiến HTQLCL vào hoạt động của cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước trong thời gian tới, nhất là trong bối cảnh hoạt động chuyển đổi số ngày càng được đẩy mạnh. Phần cuối Hội nghị, Bộ Khoa học và Công nghệ đã trao tặng bằng khen cho 16 tập thể và 16 cá nhân có thành tích xuất sắc trong việc triển khai thực hiện Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg, trong đó có 01 cá nhân và 01 tập thể thuộc Sở Khoa học và Công nghệ An Giang.

Việc xây dựng, áp dụng, duy trì và cải tiến HTQLCL theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 vào các cơ quan hành chính nhà nước tại tỉnh An Giang đã tạo điều kiện thuận lợi cho lãnh đạo cơ quan điều hành công việc và thiết lập cơ chế giải quyết công việc rõ ràng, thống nhất và công khai minh bạch; cán bộ, công chức được phân công trách nhiệm xử lý công việc đúng người, đúng thẩm quyền, tạo được sự chuyển biến trong nhận thức góp phần tích cực nâng cao chỉ số cạnh tranh; đổi mới trong tác phong và lề lối thực hiện và xử lý công



việc, nâng cao chỉ số đánh giá sự hài lòng của người dân khi tiếp xúc giải quyết công việc với cơ quan nhà nước, góp phần cụ thể hóa các quy trình nghiệp vụ, xử lý công việc tại cơ quan; từng bước xây dựng nền hành chính hiện đại theo hướng công khai, minh bạch, đáp ứng yêu cầu thực hiện kế hoạch cải cách hành chính trong tình hình mới.

Trong thời gian tới, Sở Khoa học và Công nghệ tiếp tục phối hợp với các Sở, Ban ngành tỉnh và UBND các cấp thực hiện tốt việc áp dụng, duy trì và cải tiến HTQLCL. Đồng thời, tổ chức tập huấn định kỳ hằng năm cho cán bộ, công chức thực hiện HTQLCL tại các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh nhằm khắc phục hạn chế do quá trình luân chuyển cán bộ, công chức

thường xuyên tại một số địa phương và kịp thời bổ sung kiến thức, cập nhật văn bản pháp luật cho cán bộ, công chức mới tiếp nhận nhiệm vụ liên quan đến HTQLCL. Bên cạnh đó, tiếp tục thực hiện công tác kiểm tra việc áp dụng, duy trì và cải tiến HTQLCL theo TCVN ISO 9001 nhằm kịp thời nắm bắt tình hình thực hiện tại các cơ quan, đơn vị áp dụng để đánh giá tính hiệu lực và hiệu quả của HTQLCL, kịp thời phát hiện những điểm không phù hợp để đưa ra các biện pháp khắc phục, phòng ngừa và cải tiến, đáp ứng tốt yêu cầu giải quyết công việc với tổ chức, người dân và đảm bảo thực hiện đúng theo quy định tại Thông tư số 26/2014/TT-BKHCN ngày 10/10/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ./.

(tiếp theo trang 20)

hàng cá lóc như: xử lý những mối quan hệ kinh tế giữa các tác nhân tham gia chuỗi, điều tiết lợi nhuận giữa các tác nhân, thực hiện việc kiểm tra, giám sát đối với các hoạt động trong chuỗi.

- Để vai trò của liên kết trong sản xuất và tiêu thụ cá lóc phát huy được hiệu quả, Nhà nước cũng cần xem xét lại quy hoạch (có thể những quy hoạch trước đây đã không còn phù hợp) và có những đầu tư xây dựng/phát triển cơ sở hạ tầng cho vùng sản xuất giống và nuôi cá lóc thương phẩm nhằm đáp ứng được yêu cầu về tiêu chuẩn chất lượng cho đối tượng tiềm năng của tỉnh, tiến đến mở rộng thị trường tiêu thụ trong nước và ngoài nước. Việc đầu tư xây dựng và phát triển cơ sở hạ tầng cũng cần thực hiện theo phương châm “Nhà nước và nhân dân cùng làm” nhất là những công trình gắn trực tiếp với sản xuất, nuôi trồng của hộ sản xuất, Nhà nước chỉ hỗ trợ những khâu cần thiết để tránh những tư tưởng ỷ lại, đưa đến sử

dụng công trình không đạt hiệu quả như mục tiêu đề ra.

2. Với các sản phẩm chế biến, cần khảo sát thêm các điều kiện bảo quản để thời gian bảo quản các sản phẩm trong điều kiện nhiệt độ phòng nhằm phục vụ cho yêu cầu xuất khẩu.

Kết quả đề tài sau khi nghiệm thu chính thức, Sở Khoa học và Công nghệ dự kiến chuyển giao cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn An Giang; Sở Công thương An Giang; UBND các huyện, thị, thành phố: Long Xuyên, Châu Phú, Thoại Sơn; Trung tâm Xúc tiến Thương mại và Đầu tư An Giang; Chi cục Thủy sản An Giang; Trung tâm Công nghệ sinh học An Giang; Cơ sở khô cá lóc Kim Huệ và các tổ chức, cá nhân khác nếu có yêu cầu theo quy định để ứng dụng và nhân rộng/.



MỘT SỐ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC SỞ HỮU TRÍ TUỆ NĂM 2021

Lê Thị Thùy Trang

Sở Khoa học và Công nghệ An Giang

Thực hiện Chiến lược SHTT đến năm 2030, An Giang đã ban hành một số văn bản liên quan đến việc triển khai thực hiện Chiến lược; Tuyên truyền, phổ biến, quán triệt nội dung của Chiến lược bằng nhiều hình thức khác nhau, đặc biệt một số nội dung quan trọng của Chiến lược đang được triển khai lồng ghép vào chính sách phát triển từng ngành, lĩnh vực. Qua đó nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về SHTT, đồng thời đẩy mạnh hơn nữa việc thực thi quyền SHTT và thúc đẩy các hoạt động tạo ra tài sản trí tuệ trên địa bàn tỉnh, bước đầu hình thành văn hóa SHTT trong xã hội.

Trên cơ sở thực hiện Quyết định số 1068/QĐ-TTg ngày 22/8/2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược SHTT đến năm 2030. Năm 2021, nhằm thúc đẩy sáng tạo, xác lập, khai thác và bảo vệ quyền SHTT, chính sách phát triển khoa học, công nghệ và ĐMST, Sở Khoa học và Công nghệ đã tham mưu UBND tỉnh ban hành một số văn bản liên quan đến SHTT, phát triển tài sản trí tuệ, ĐMST như: Quyết định số 610/QĐ-UBND ngày 25/3/2021 về phê duyệt Chương trình phát triển thương hiệu các sản phẩm nông nghiệp tỉnh An Giang giai đoạn 2021-2026 và định hướng đến năm 2030; Quyết định số 1406/QĐ-UBND ngày 29/6/2021 ban hành Kế hoạch hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp ĐMST tỉnh An Giang đến năm 2025; Quyết định số 2609/QĐ-UBND

ngày 08/11/2021 phê duyệt Kế hoạch đẩy mạnh phát triển NHCN An Giang đối với sản phẩm nông nghiệp đã được bảo hộ và một số sản phẩm có tiềm năng của tỉnh An Giang giai đoạn 2021-2025 và định hướng đến năm 2030.

Công tác quản lý nhà nước về SHTT đã và đang tập trung thực hiện các biện pháp hỗ trợ để phát triển hoạt động SHTT và đạt được kết quả nhất định: tổ chức tuyên truyền, phổ biến và hướng dẫn thực hiện chính sách, pháp luật và kiến thức cơ bản về SHTT cho cán bộ làm công tác quản lý, tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh; hướng dẫn, hỗ trợ cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp tiến hành các thủ tục đăng ký xác lập và bảo vệ quyền SHTT; tiếp nhận và xử lý các yêu cầu sử dụng địa danh hoặc dấu hiệu chỉ nguồn gốc địa lý của đặc sản địa phương trong đăng ký nhãn hiệu và trình cơ quan có thẩm quyền cho phép đăng ký và sử dụng địa danh hoặc dấu hiệu chỉ nguồn gốc địa lý của đặc sản địa phương theo quy định; triển khai các biện pháp phổ biến, khuyến khích, thúc đẩy hoạt động sáng chế, sáng kiến, ĐMST tại địa phương. Trong đó, công tác tuyên truyền, phổ biến Chiến lược SHTT đến năm 2030, vai trò của tài sản trí tuệ đối với sự phát triển KT-XH luôn được quan tâm và đẩy mạnh. Thông qua việc phát hành các chuyên mục về SHTT trên Đài phát thanh và truyền hình, Báo, website và Bản tin KH&CN đã góp phần tạo chuyển biến tích cực nhận thức của các cấp, ngành về



Dệt thố cẩm Văn Giáo (Tỉnh Biên)

SHTT, đây là một kênh truyền tải và phương thức tuyên truyền rất hữu hiệu đưa SHTT đến mọi đối tượng, ngành nghề... Công tác tuyên truyền, phổ biến kiến thức, chính sách, pháp luật về SHTT là hoạt động rất có ý nghĩa. Qua đó, làm cho tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp hiểu rõ hơn về ý nghĩa và tầm quan trọng của nhãn hiệu, thương hiệu và tài sản trí tuệ cũng như sự cần thiết phải đăng ký xác lập và bảo vệ quyền SHTT.

Công tác thực thi và bảo vệ quyền SHTT bước đầu có sự phối hợp giữa các cơ quan hành chính nhà nước. Công tác thanh tra, kiểm tra hoạt động sản xuất, lưu thông, mua bán hàng giả, hàng nhái, hàng xâm phạm quyền SHTT trên địa bàn được các ngành, các cấp tăng cường và phối hợp thực hiện có hiệu quả. Các cơ quan chức năng theo lĩnh vực được phân công phụ trách xây dựng các phương án, chuyên đề kiểm tra, kiểm soát theo từng mặt hàng, từng lĩnh vực để thực hiện. Theo số liệu thống kê của các cơ quan chức năng, trong năm 2021 đã phát hiện, xử lý 40 vụ việc liên quan việc sản xuất, mua bán hàng hóa giả nhãn hiệu với tổng số tiền xử phạt là 507.698.000 đồng

(2861 sản phẩm chủ yếu là các mặt hàng tiêu dùng, thực phẩm, phân bón, thuốc BVTV). Hiện nay, người sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng trên địa bàn tỉnh đã có nhận thức hơn về việc tôn trọng và bảo vệ quyền SHTT. Từ đó cũng có sự quan tâm hơn trong việc đăng xác lập, bảo hộ, khai thác và phát triển quyền SHTT.

Các hoạt động hỗ trợ để tạo lập, phát triển tài sản trí tuệ trên địa bàn tỉnh đã được triển khai, chủ yếu tuyên truyền, tập huấn, tư vấn và hướng dẫn tổ chức, cá nhân triển khai thực hiện đăng ký xác lập và bảo vệ quyền SHTT cho các sản phẩm, dịch vụ do mình tạo ra và thực hiện lồng ghép vào một số Chương trình, kế hoạch phát triển của tỉnh: tổ chức khóa tập huấn, đào tạo khởi nghiệp ĐMST, tạo tác động xã hội tại cơ quan và tham gia khóa đào tạo cố vấn khởi nghiệp ĐMST tác động xã hội do Tạp Chí diễn đàn doanh nghiệp tổ chức; hướng dẫn hồ sơ thủ tục: đăng ký 28 nhãn hiệu cá thể, 02 nhãn hiệu tập thể, 01 kiểu dáng công nghiệp, 02 sáng chế và gia hạn 02 nhãn hiệu; phối hợp với Báo An Giang thực hiện bài viết về công tác quản lý Nhà nước về SHTT và



Khảo sát Nhân hiệu tập thể bánh phồng Phú Mỹ



Làm việc với Siêu thị CoopMart Long Xuyên về việc mở 01 gian hàng trưng bày và bán sản phẩm NHCN An Giang

Đài Phát thanh - Truyền hình An Giang thực hiện chuyên mục SHTT và Cuộc sống; hỗ trợ 25.000 tem NHCN An Giang cho đơn vị đã được trao quyền sử dụng NHCN sử dụng dán trên bao bì sản phẩm trong quá trình mua bán và trưng bày sản phẩm tại các kỳ hội chợ, triển lãm trong và ngoài tỉnh; tổ chức tuyên truyền, phổ biến về NHCN An Giang và vận động các cơ sở, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh tham gia sử dụng; phối hợp tổ chức Hội thi Sáng tạo kỹ thuật tỉnh An Giang lần thứ XII năm 2020-2021 và Cuộc thi Sáng tạo thanh thiếu niên nhi đồng năm 2021; đẩy mạnh tuyên truyền, giới thiệu trên báo, đài, website và Bản tin KH&CN nhiều mô hình, dự án ứng dụng đổi mới công nghệ nổi bật trên địa bàn tỉnh; tổ chức 02 phiên kết nối cung cầu công nghệ với chủ đề “Giới thiệu và trình diễn hoạt động của các thiết bị chế biến thức ăn chăn nuôi và Giới thiệu máy tách màu gạo RC1-64X”; hỗ trợ triển khai thực hiện 07 dự án thuộc lĩnh vực khoa học nông nghiệp, trong đó có 06 dự án sản xuất thử nghiệm, 01 dự án đổi mới công nghệ.

Hoạt động khuyến khích, nâng cao hiệu

quả khai thác tài sản trí tuệ chủ yếu tập trung vào công tác hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo trên địa bàn tỉnh, hướng dẫn, hỗ trợ doanh nghiệp sử dụng công cụ SHTT phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Qua đó nâng cao nhận thức của doanh nghiệp, cá nhân khởi nghiệp về tầm quan trọng của việc khai thác quyền SHTT đối với quá trình sản xuất, kinh doanh.

Bên cạnh đó cũng thường xuyên cử công chức, viên chức tham dự trực tuyến lớp đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức về SHTT và các hoạt động liên quan do các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh và Trung ương tổ chức nhằm có thêm nhiều thông tin và kiến thức để triển khai áp dụng thực tế cho địa phương: Lớp tập huấn chuyên sâu về SHTT; hội thảo khởi nghiệp ĐMST dựa trên sáng chế, công nghệ và tài sản trí tuệ; chuỗi tập huấn khởi động hoạt động khởi nghiệp ĐMST Techfest Quốc gia năm 2021...

Một số kết quả thực hiện Chiến lược thông qua Chương trình phát triển tài sản trí tuệ:



Năm 2021, đã triển khai tuyên truyền, phổ biến các cơ chế, chính sách, chương trình, kế hoạch phát triển SHTT của Trung ương và của tỉnh như: Phát động các Sở, ban ngành và huyện, thị, thành phố trong tỉnh đồng hưởng ứng và tổ chức hoạt động kỷ niệm Ngày SHTT thế giới 26/4; thường xuyên đưa tin, bài truyền tải thông tin SHTT trên Cổng thông tin điện tử các Sở, ban ngành và huyện, thị, thành phố trong tỉnh, Bản tin KH&CN về Chương trình phát triển tài sản trí tuệ đến năm 2030; các Thông tư quy định quản lý thực hiện Chương trình và quy định quản lý tài chính thực hiện Chương trình phát triển tài sản trí tuệ đến năm 2030 và các kiến thức, thông tin hướng dẫn về SHTT được chia sẻ từ trang web của Cục Sở hữu trí tuệ; phối hợp với Báo, Đài thực hiện các bài viết và chuyên mục SHTT và Cuộc sống. Hoạt động này đã từng bước tạo sự chuyển biến tích cực về nhận thức cho xã hội, đặc biệt cán bộ cơ quan quản lý nhà nước, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân, tạo ra động lực mạnh mẽ khuyến khích và thúc đẩy các đơn vị, doanh nghiệp, cá nhân tích cực chủ động tham gia đăng ký xác lập quyền SHTT, góp phần tạo dựng uy tín, danh tiếng, năng lực cạnh tranh sản phẩm, dịch vụ của tỉnh trên thị trường.

Hỗ trợ chi phí đăng ký bảo hộ 03 nhãn hiệu cá thể. Tham mưu cho phép các chủ thể sử dụng các địa danh “Vĩnh Bình”, “Tân Châu”, “Nhơn Hưng”, “Vĩnh Trạch”, “Văn Giáo” để đăng ký nhãn hiệu tập thể cho các sản phẩm nông nghiệp, sản phẩm đặc thù của tỉnh: tơ, lụa, đường thốt nốt, lúa giống...

Chương trình phát triển tài sản trí tuệ tỉnh An Giang góp phần nâng cao nhận thức, năng

lực tạo lập của tổ chức, cá nhân về tài sản trí tuệ trong quá trình hội nhập, nâng cao khả năng cạnh tranh sản phẩm, dịch vụ địa phương. Chương trình triển khai thực hiện đã góp phần hỗ trợ các doanh nghiệp khai thác tài sản trí tuệ hiệu quả hơn.

Định hướng thực hiện năm 2022

Nhằm phát huy những kết quả đã đạt được và để triển khai hiệu quả Chiến lược SHTT ở năm 2022 cũng như trong thời gian tới, cần tập trung thực hiện một số nhiệm vụ sau:

- Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền Chiến lược SHTT, văn bản pháp luật về SHTT cũng như công tác tuyên truyền, phổ biến các Hiệp định thương mại tự do (FTA), hiệp định EVFTA mà Việt Nam là thành viên để nâng cao nhận thức, hiểu biết cho cán bộ, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân về các chính sách, pháp luật SHTT và lợi ích, giá trị của tài sản trí tuệ đối với hoạt động sản xuất và kinh doanh.

- Thúc đẩy ĐMST, tăng cường ứng dụng kết quả nghiên cứu và đẩy mạnh bảo hộ quyền SHTT trên địa bàn tỉnh.

- Hỗ trợ doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh nâng cao khả năng cạnh tranh sản phẩm, dịch vụ thông qua hỗ trợ xác lập, khai thác, phát triển tài sản trí tuệ; hỗ trợ hoạt động kiểm soát nguồn gốc, chất lượng, phát triển sản phẩm chủ lực, đặc thù địa phương được bảo hộ quyền SHTT theo chuỗi giá trị.

- Tăng cường sự gắn kết của các ngành, các cấp để đẩy mạnh việc phát triển thương hiệu sản phẩm, dịch vụ của địa phương cũng như phát triển giá trị của các sản phẩm đặc sản./.

KẾT QUẢ TRIỂN KHAI NGHỊ QUYẾT 120/NQ-CP NGÀY 17/11/2017 CỦA CHÍNH PHỦ VỀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG ĐBSCL THÍCH ỨNG VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH AN GIANG - LĨNH VỰC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ NĂM 2021

Phạm Danh Tường

Sở Khoa học và Công nghệ An Giang

1. Kết quả thực hiện năm 2021

Về hoạt động nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao khoa học và công nghệ, đã tổ chức thực hiện 03 nhiệm vụ KH&CN phục vụ phát triển bền vững và ứng phó với tác động của biến đổi khí hậu (BĐKH): (1)Nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia “Nghiên cứu đề xuất các giải pháp khai thác và sử dụng nguồn nước hợp lý để phát triển bền vững KT-XH trên địa bàn tỉnh An Giang và vùng phụ cận trong bối cảnh thay đổi của thượng nguồn sông Mê Kông và BĐKH”; Kết quả bước đầu đã tổng hợp và phân tích số liệu về thực trạng, diễn biến nguồn nước cho thấy lưu lượng nước đầu nguồn trung bình khoảng 2.500 m³/s và cao hơn khoảng 05 lần khi về hạ lưu; lưu lượng dòng chảy về Việt Nam phụ thuộc vào các công trình ở thượng lưu; đưa ra một số giải pháp khai thác, sử dụng nguồn nước hợp lý như giải pháp kiểm soát lũ và giải pháp về công trình...; (2)Nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh “Áp dụng mô hình Telemac 3D để mô phỏng dòng chảy và vận chuyển trầm tích tại khu vực ngã ba sông Hậu và sông Vàm Nao (khu vực sạt lở xã Mỹ Hội Đông)”; kết quả đã thiết lập mô hình Telemac 2D, Telemac 3D và Sisyph để mô phỏng được dòng chảy và trầm tích hợp lý; dự báo được sự di chuyển của hố xói theo không gian và thời gian; sự kết hợp giữa Telemac 2D, Telemac 3D và Sisyph có thể dùng để dự báo sạt lở cho tỉnh An Giang và các tỉnh ĐBSCL; (3)Nhiệm vụ thường xuyên



Mô hình trồng xoài diện tích 01 ha lắp đặt hệ thống bơm nước sử dụng điện năng lượng mặt trời điều khiển bằng smartphone của nông hộ Ông Bùi Văn Quý

theo chức năng “Xây dựng mô hình tưới tiết kiệm nước sử dụng năng lượng mặt trời phục vụ nông nghiệp trên địa bàn tỉnh”, kết quả đã lắp đặt và vận hành hệ thống bơm nước sử dụng điện năng lượng mặt trời điều khiển bằng smartphone để tưới cho 02 mô hình trồng cây ăn trái chưa có điện lưới, trong đó có 01 mô hình trồng xoài diện tích 01 ha của nông hộ Ông Bùi Văn Quý tại Ấp Trung An, xã Lê Trì, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang (HTX Bến Bà chi) với cao trình > 80 m so với mực nước biển.

Về thực hiện Đề án tái cơ cấu sản xuất nông nghiệp, NNCNC, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp sạch, kết quả triển khai Nghị quyết 09-NQ/TU ngày 27/6/2012 của BCH Đảng bộ



tỉnh về phát triển NNCNC tỉnh An Giang giai đoạn 2012 - 2020 và tầm nhìn đến năm 2030 đã tổ chức thực hiện 01 nhiệm vụ cấp tỉnh, 01 nhiệm vụ cấp cơ sở liên quan đến lĩnh vực thủy sản, nhằm cải tiến các quy trình kỹ thuật nhân giống, nuôi trồng một số loài thủy sản như lươn, cá trê vàng... nhằm nâng cao năng suất, cải thiện thu nhập cho người dân.

Về xây dựng nhãn hiệu và chỉ dẫn địa lý một số sản phẩm nông sản chủ lực của tỉnh, kết quả thực hiện Quyết định số 325/QĐ-UBND ngày 23/02/2021 của UBND tỉnh về việc tiếp tục thực hiện nội dung “Hỗ trợ chi phí đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ” tại Quyết định số 1965/QĐ-UBND ngày 14/8/2018 của UBND tỉnh phê duyệt Chương trình Phát triển tài sản trí tuệ trên địa bàn tỉnh An Giang giai đoạn từ nay đến năm 2020 đã hỗ trợ chi phí đăng ký bảo hộ 03 nhãn hiệu cá thể (kinh phí hỗ trợ là 3.000.000 đồng). Tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định số 2609/QĐ-UBND ngày 08/11/2021 phê duyệt Kế hoạch đẩy mạnh phát triển NHCN An Giang đối với sản phẩm nông nghiệp đã được bảo hộ và một số sản phẩm có tiềm năng của tỉnh An Giang giai đoạn 2021 - 2025 và định hướng đến năm 2030; đề xuất nhiệm vụ cấp quốc gia thuộc Chương trình phát triển tài sản trí tuệ thực hiện năm 2022 đối với 03 sản phẩm chủ lực của tỉnh là gạo, xoài và cá tra An Giang (đã được phê duyệt thực hiện tại Quyết định số 1984/QĐ-BKH-CN ngày 27/7/2021 của Bộ Khoa học và Công nghệ).

Về xây dựng và phát triển thương hiệu của tỉnh trong ngành hàng thực phẩm Việt Nam, kết quả triển khai Quyết định số 610/QĐ-UBND ngày 25/3/2021 của UBND tỉnh phê duyệt Chương trình phát triển thương hiệu các sản phẩm nông nghiệp tỉnh An Giang giai đoạn 2021-2026 và định hướng đến năm 2030 đã triển khai đến UBND huyện, thị xã, thành phố Quyết định số 610/QĐ-UBND; hướng dẫn

các địa phương xây dựng Kế hoạch và tổ chức thực hiện phát triển nhãn hiệu tập thể đối với sản phẩm nhãn xuông Khánh Hòa, đường thốt nốt Tịnh Biên; triển khai xây dựng Kế hoạch tuyên truyền, đào tạo tập huấn nâng cao kiến thức cho tổ chức, cá nhân về SHTT qua xây dựng, quản lý và phát triển thương hiệu sản phẩm nông nghiệp.

Các hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, xây dựng nhãn hiệu và phát triển thương hiệu đã nhận được sự quan tâm của lãnh đạo tỉnh và sự phối hợp thực hiện của các cơ quan liên quan. Việc tham gia đề xuất các ý tưởng, tham gia thực hiện, cố vấn thực hiện các nhiệm vụ KH&CN được các nhà khoa học, chuyên gia, doanh nghiệp nhiệt tình ủng hộ; các nhiệm vụ KH&CN về thích ứng BĐKH thực hiện trong thời gian qua đã góp phần xây dựng chiến lược phát triển KT-XH thích ứng với BĐKH.

2. Phương hướng hoạt động năm 2022

Tiếp tục thông báo và tuyển chọn các nhiệm vụ KH&CN có liên quan đến lĩnh vực thích ứng với BĐKH để triển khai trên địa bàn tỉnh; đẩy mạnh công tác chuyển giao kết quả của nhiệm vụ KH&CN đã được nghiệm thu đến các tổ chức, doanh nghiệp có nhu cầu ứng dụng và nhân rộng.

Tiếp tục tổ chức thực hiện các chính sách hỗ trợ phát triển NNCNC, phát triển tài sản trí tuệ phục vụ phát triển bền vững ĐBSCL thích ứng với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh.

Tăng cường tạo lập mối liên kết giữa nhà khoa học, nhà quản lý, doanh nghiệp và người dân trong việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ KH&CN gắn với nhiệm vụ ứng phó với BĐKH. Đẩy mạnh hợp tác quốc tế để tranh thủ các nguồn lực từ nước ngoài là một trong những nguồn hỗ trợ rất hiệu quả cho cơ quan, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh phát triển./.

KẾT QUẢ NĂM 2021 THỰC HIỆN QUYẾT ĐỊNH SỐ 657/QĐ-UBND NGÀY 30/3/2021 CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Bùi Thị Hồng Thắm

Sở Khoa học và Công nghệ An Giang

Qua gần một năm triển khai Quyết định số 657/QĐ-UBND ngày 30/3/2021 của UBND tỉnh phê duyệt Kế hoạch tuyên truyền về KH&CN phục vụ định hướng phát triển của tỉnh An Giang giai đoạn 2021-2025, tuyên truyền về KH&CN phục vụ định hướng phát triển của tỉnh An Giang đã đạt được một số kết quả như sau:

1. Triển khai cơ chế, chính sách của ngành KH&CN

Bên cạnh việc tuyên truyền các văn bản liên quan về KH&CN như: Quy định về hoạt động KH&CN trên địa bàn tỉnh An Giang; Kế hoạch triển khai, áp dụng và quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc trên địa bàn tỉnh An Giang giai đoạn 2020-2025; Quy định hỗ trợ thúc đẩy hoạt động chuyển giao, ứng dụng, đổi mới công nghệ trên địa bàn tỉnh An Giang; Chương trình hỗ trợ phát triển khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tỉnh An Giang giai đoạn 2018 - 2025. Trong năm 2021, tỉnh đã ban hành: Nghị quyết số 16/2021/NQ-HĐND ngày 28/10/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định nội dung và mức chi từ ngân sách nhà nước để thực hiện hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh An Giang; Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND ngày 28/10/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định chế độ tài chính cho hoạt động tổ chức Hội thi sáng tạo kỹ thuật và Cuộc thi sáng tạo Thanh thiếu niên nhi đồng tỉnh An Giang; Kế hoạch số 573/KH-UBND ngày 28/9/2021 của UBND tỉnh về triển khai Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn



Hội nghị tập huấn văn bản pháp luật và giới thiệu các mô hình ứng dụng tiến bộ KH&CN

2021 - 2025 và định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh An Giang... lồng ghép các cuộc họp cơ quan, hội nghị giao ban, các buổi sinh hoạt Chi bộ và các buổi sinh hoạt đoàn thể của các sở ngành và địa phương trên địa bàn tỉnh.

Bên cạnh đó, các ngành còn triển khai tuyên truyền lồng ghép các văn bản khác có liên quan như: Kế hoạch số 317/KH-BTV ngày 03/3/2021 của BTV Hội LHPN tỉnh về thực hiện Đề án “Hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp năm 2021”; Kế hoạch số 306/KH-BTV ngày 02/02/2021 về thực hiện Nhiệm vụ “Vận động, hỗ trợ Phụ nữ sáng tạo khởi nghiệp, phát triển kinh tế, bảo vệ môi trường” năm 2021 gắn với Chương trình hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tỉnh An Giang giai đoạn 2018 - 2025, quán triệt đến Hội LHPN các cấp trong thực hiện nhiệm vụ chính trị của Hội; Kế hoạch số 232/KH-BTV, ngày 10/3/2021 của Ban Thường vụ Hội LHPN tỉnh về thực hiện hoạt động truyền thông Đề án “Hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp”



năm 2021 tại Hội LHPN cấp huyện; Quy chế về hoạt động sáng kiến, cải tiến, giải pháp kỹ thuật, quản lý, tác nghiệp, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật hoặc nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng...

Trên cơ sở các chính sách KH&CN, khuyến khích tinh thần khởi nghiệp, đam mê nghiên cứu khoa học của học sinh, sinh viên qua việc triển khai Kế hoạch số 20/KH-UBND ngày 17/01/2018 của UBND tỉnh thực hiện Quyết định số 1665/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Hỗ trợ học sinh, sinh viên khởi nghiệp đến năm 2025 hỗ trợ các ý tưởng khởi nghiệp khả thi của thanh niên, kêu gọi các nguồn vốn, tổ chức hỗ trợ thanh niên khởi nghiệp; Triển khai các hoạt động nghiên cứu khoa học, tổ chức Cuộc thi khoa học kỹ thuật dành cho học sinh trung học (khoảng 500 dự án/năm) nhằm vận dụng kiến thức đã học vào giải quyết những vấn đề thực tiễn, phổ biến, nhân rộng những giải pháp, kinh nghiệm có giá trị ứng dụng vào thực tiễn; Phổ biến “Sổ tay nhãn hiệu chứng nhận AN GIANG” đến các doanh nghiệp du lịch và khách du lịch đến An Giang nhằm tăng cường tuyên truyền nhãn hiệu chứng nhận An Giang trở thành dấu hiệu để người tiêu dùng trên thị trường nhận biết nguồn gốc sản phẩm chủ lực của An Giang.

Triển khai tuyên truyền các mô hình hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp, ứng dụng các mô hình sản xuất kinh doanh áp dụng kỹ thuật, công nghệ vào sản xuất để tiết kiệm thời gian, hoàn thiện chất lượng sản phẩm, đưa sản phẩm đến với người tiêu dùng qua các ứng dụng trực tuyến... điển hình như việc hỗ trợ thủ tục đăng ký chứng nhận sản phẩm cá khô của Tổ hợp tác phụ nữ chế biến cá khô của xã Vĩnh Hội Đông, huyện An Phú; áp dụng công nghệ sấy, đóng gói bao bì sản phẩm trà túi lọc Xạ Đen của Cty TNHH MTV TM&DV Thảo An Khang thành phố Long Xuyên, Tổ Phụ nữ đan giỏ nylon xã Tân Mỹ, huyện Chợ Mới trước đây sử

dụng máy cắt bằng tay nay nhờ áp dụng công nghệ nên tiết kiệm thời gian, công lao động, sản phẩm làm ra chất lượng, mẫu mã đẹp; sử dụng hệ thống công nghệ tưới tiết kiệm nước trồng rau sạch, hoa lan trong nhà lưới của Hợp tác xã Nông nghiệp, dịch vụ và Du lịch Mỹ Hòa Hưng... Hướng dẫn, chia sẻ kinh nghiệm chuyển giao khoa học công nghệ, ứng dụng kỹ thuật canh tác cây trồng, chăn nuôi gia cầm trên đệm lót sinh học, trồng rau, quả an toàn vệ sinh thực phẩm, bảo vệ môi trường có 1.396 lượt hội viên, phụ nữ được tiếp cận thông tin.

Các ngành và địa phương treo băng-rôn tuyên truyền: Chào mừng Ngày Khoa học và Công nghệ Việt Nam (18/5/2021) với chủ đề “Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo - Khởi dậy khát vọng, kiến tạo tương lai”; Hội thi Sáng tạo Kỹ thuật tỉnh An Giang lần XII (2020 - 2021); Ngày Đo lường Việt Nam 20/01; Ngày Sở hữu Trí tuệ Thế giới 26/4...

2. Tuyên truyền trên Báo và Đài Phát thanh - Truyền hình

Sở Khoa học và Công nghệ đã phối hợp với Đài Phát thanh - Truyền hình An Giang thực hiện 12 phóng sự về KH&CN và Báo An Giang thực hiện 15 bài viết thông tin về các tiến bộ khoa học kỹ thuật và mô hình ứng dụng KH&CN mới, hiệu quả để người dân tham khảo, học tập, ứng dụng, góp phần thúc đẩy quá trình phát triển KH&CN, điển hình như: ⁽¹⁾Nhiều sản phẩm dược liệu, đặc sản An Giang phục vụ Tết; ⁽²⁾Nhiều kết quả nổi bật trong hoạt động KH&CN cấp huyện; ⁽³⁾Kết quả thực hiện việc xây dựng, áp dụng, duy trì, cải tiến và công bố hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 tại các cơ quan hành chính nhà nước...

Đồng thời, thông qua các báo cáo chuyên đề về du lịch, đã phổ biến kết quả ứng dụng khoa học công nghệ, lồng ghép trong các tin, bài viết về du lịch trên các báo: Thanh Niên,

Tuổi Trẻ, Người Lao Động, Báo Du lịch Việt Nam,... góp phần định hướng đúng đắn trong việc bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa kết hợp phát triển du lịch gắn với các ngành kinh tế khác để đẩy mạnh chuyển đổi cơ cấu kinh tế, giảm nghèo bền vững, đảm bảo an sinh xã hội, bảo vệ tài nguyên - môi trường; nâng cao chất lượng nguồn lao động.

3. Tuyên truyền trên môi trường mạng

Đã định hướng Công Thông tin điện tử, chỉ đạo Đài truyền thanh cấp huyện, cấp xã triển khai công tác tuyên truyền phổ biến các chủ trương, chính sách về KH&CN, nâng cao nhận thức về ứng dụng kết quả nghiên cứu... phục vụ nhu cầu đời sống xã hội, tăng cường tuyên truyền hiệu quả của việc ứng dụng các nền tảng, giải pháp công nghệ trong hỗ trợ phòng, chống dịch Covid-19 như: Khai báo y tế điện tử; Hệ thống kiểm soát ra/vào bằng mã QR... Cập nhật 180 tin trên Cổng thông tin điện tử Sở Khoa học và Công nghệ, 1.283 tin lên website TBT-Agi, Website Sàn giao dịch công nghệ đã cập nhật 263 về các kết quả ứng dụng và chuyển giao khoa học công nghệ; kết quả nghiệm thu đề tài, công tác quản lý tiêu chuẩn đo lường chất lượng... Ngoài ra, các thông tin về KH&CN được cập nhật thường xuyên tại Fanpage Nhân hiệu chứng nhận An Giang, Fanpage Sở Khoa học và Công nghệ.

3. Hội thảo về KH&CN

Tổ chức thực hiện trình diễn 09 mô hình về ứng dụng khoa học, kỹ thuật vào sản xuất như: Mô hình trồng dưa leo hướng hữu cơ tại xã Hòa An, diện tích 500 m²; mô hình sản xuất khổ qua ghép mướp (0,2ha), 500 cây giống gốc; mô hình trình diễn thiết bị bay phun thuốc BVTV không người lái; mô hình nuôi gà thả vườn theo hướng hữu cơ xã Long Giang (200 con); Mô hình nuôi vỗ béo lợn bố mẹ tại xã Kiến Thành quy mô 60m²... Tổ chức 13 cuộc hội thảo khuyến nông, hướng dẫn quản lý



Kết nối công nghệ và trình diễn thiết bị bay không người lái phục vụ sản xuất nông nghiệp

sâu bệnh trên lúa và rau màu, sử dụng thuốc bảo vệ thực vật theo nguyên tắc 4 đúng, xây dựng chứng nhận nhãn hiệu sản phẩm an toàn tại các xã (Kiến Thành, Long Giang, Hòa An, Long Điền B, Kiến An, Nhon Mỹ, An Thạnh Trung) với 516 lượt nông dân tham dự. Trong khuôn khổ thực hiện các nhiệm vụ KH&CN đã tổ chức 03 hội thảo với khoảng 110 đại biểu tham dự. Ngoài ra, lồng ghép phổ biến kết quả nghiên cứu các nhiệm vụ KH&CN có liên quan tại các hội nghị tổng kết, hội nghị chuyên đề, hội thảo trong ngành, các lớp tập huấn, tuyên truyền lĩnh vực du lịch, môi trường...

4. Tập huấn tuyên truyền KH&CN

Sở Khoa học và Công nghệ đã tổ chức 02 đợt triển khai văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng phổ biến giáo dục pháp luật tỉnh tổ chức và văn bản có liên quan đến hoạt động KH&CN cho công chức, viên chức của Sở với khoảng 75 lượt người tham dự. Phối hợp với Công ty TNHH Tứ Sơn Châu Đốc (Siêu thị Tứ Sơn) tổ chức 01 lớp tập huấn các quy định về nhãn hàng hóa, mã số mã vạch và truy xuất nguồn gốc với hơn 100 đại biểu tham gia là lãnh đạo và nhân viên của siêu thị. Tổ chức 02 hội nghị, tập huấn tuyên truyền (126 đại biểu tham dự): Hội nghị tuyên truyền, phổ biến Chương trình hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ và



ứng dụng, chuyển giao tiến bộ KH&CN gồm các phòng ban chuyên môn, các cơ sở, doanh nghiệp trên địa bàn huyện; Tập huấn cho các cán bộ phụ trách khoa học công nghệ cấp xã, thị trấn các văn bản pháp luật có liên quan về KH&CN; Tổ chức 04 cuộc hội nghị triển khai các văn bản pháp luật tuyên truyền về đo lường chất lượng cho các hộ tiểu thương tại các chợ trên địa bàn huyện Bình Thủy, Bình Phú, Thạnh Mỹ Tây và Vĩnh Thạnh Trung (160 đại biểu tham dự).

Các ban, ngành địa phương đã lồng ghép thông tin tuyên truyền về hoạt động KH&CN thông qua các chương trình như: Hội nghị, tập huấn nghiệp vụ về chuyên môn để hướng dẫn cho người dân ứng dụng khoa học, kỹ thuật vào sản xuất. Tổ chức 20 cuộc hội thảo, khuyến nông phòng trừ sâu bệnh và hội thảo phân, thuốc với 920 lượt người tham dự; Triển khai 06 mô hình sản xuất lúa theo hướng hữu cơ, diện tích 0,5ha; trình diễn máy phun thuốc bằng thiết bị DRONE, diện tích 1ha; nuôi gà thả vườn theo hướng hữu cơ với 200 con giống, trình diễn giống vịt siêu thịt ATSH với 100 con giống; nuôi cá chạch lấu trong ao đất với 1.250 con giống; nuôi vỗ béo lợn bố mẹ với 240kg lợn giống...

5. Biên soạn và phát hành các ấn phẩm thông tin, tuyên truyền

Phát hành 06 Bản tin Khoa học và Công nghệ An Giang, thực hiện in 300 quyển Kỷ yếu 35 năm hình thành, phát triển ngành KH&CN tỉnh An Giang giai đoạn 1986 – 2020 (nội dung kỹ yếu gồm 32 bài thuộc các chuyên mục: KH&CN phục vụ phát triển kinh tế - xã hội tỉnh An Giang, Khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo; Hợp tác phát triển KH&CN...).

Công tác phối hợp tuyên truyền về KH&CN ngày càng được các cấp, các ngành quan tâm và đạt một số kết quả ghi nhận như nêu trên. Tuy nhiên, hoạt động tuyên truyền, phổ biến



Xuất bản bản tin KH&CN An Giang số đặc biệt (04/2021)

KH&CN còn gặp phải một số khó khăn như: Số lượng các sản phẩm truyền thông KH&CN còn ít, nội dung chưa phong phú, chưa phản ánh kịp thời hoạt động KH&CN của tỉnh; Phương thức truyền tải nội dung thông tin chưa thu hút nhiều người đọc, người nghe, người xem. Mặc dù một số nội dung không thể triển khai như một số lớp tập huấn về sở hữu trí tuệ, KH&CN tại một số huyện, thị... do hạn chế tập trung đông người trong điều kiện xảy ra dịch COVID-19 nhưng thông tin vẫn được cập nhật thông qua các phương tiện truyền thông khác (báo, đài, Cổng thông tin điện tử, website...).

Trên cơ sở khắc phục những hạn chế về công tác tuyên truyền KH&CN năm vừa qua, trong năm 2022, Sở Khoa học và Công nghệ sẽ tiếp tục phối hợp với sở, ban ngành, UBND huyện, thị thành phố triển khai hiệu quả Quyết định số 657/QĐ-UBND. Trong đó, đặc biệt đẩy mạnh tuyên truyền bằng nhiều hoạt động, hình thức tuyên truyền phong phú, phù hợp với điều kiện thực tế để phổ biến đường lối, chủ trương, chính sách về KH&CN,... các mô hình ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ vào hoạt động sản xuất - kinh doanh mang lại hiệu quả đáp ứng nhu cầu thông tin về KH&CN cho các tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh./.



DIỆM TIN KHOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP HUYỆN THÁNG 01/2022

1. TP. Châu Đốc

- Giám sát thực hiện nhiệm vụ "Xây dựng mô hình sản xuất thực nghiệm sản phẩm chả cá lóc theo hướng vệ sinh an toàn thực phẩm tại thành phố Châu Đốc": nhóm thực hiện đề tài đang chỉnh sửa báo cáo tổng kết theo ý kiến của Hội đồng đánh giá nghiệm thu.

- Phối hợp với Trung tâm Ứng dụng tiến bộ KH&CN hoàn chỉnh báo cáo thuyết minh chi tiết của nhiệm vụ "Nghiên cứu, đánh giá thực tiễn sử dụng quyền sở hữu công nghiệp đối với nhãn hiệu, tên thương mại tại một số cơ sở sản xuất, kinh doanh mắm trên địa bàn thành phố Châu Đốc".

- Tổng diện tích nhà màng là 12.200 m² (10 nhà trồng), nhà lưới là 3.500 m² (8 nhà), sản xuất chủ yếu là dưa lưới, dưa lê, cải ngọt, tần ô, cải xanh, cải thìa... theo tiêu chuẩn an toàn, VietGAP... (trong tháng thu hoạch 5,6 tấn, giá bán từ 10.000 - 40.000 đồng/kg).

2. Huyện Chợ Mới

Tham mưu UBND huyện ban hành: ⁽¹⁾Báo cáo kết quả năm 2021 Kế hoạch tuyên truyền về KH&CN; ⁽²⁾Báo cáo kết quả năm 2021 triển khai Chiến lược quốc gia về nghiên cứu, phát triển và ứng dụng trí tuệ nhân tạo; ⁽³⁾Đề xuất nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở năm 2021 (đợt 2) "Nghiên cứu xây dựng mô hình quản lý chất thải rắn sinh hoạt tại huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang"; ⁽⁴⁾Phê duyệt Kế hoạch thực hiện Chiến lược quốc gia về nghiên cứu, phát triển và ứng

dụng Trí tuệ nhân tạo đến năm 2030; ⁽⁵⁾Báo cáo kết quả thực hiện Quyết định 1406/QĐ-UBND ngày 29/6/2021 của UBND tỉnh An Giang về việc thực hiện Kế hoạch hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo đến năm 2025.

Hướng dẫn Công ty TNHH MTV Thương mại - Dịch vụ Gia Phát VN, ấp Long Hòa, thị trấn Chợ Mới xây dựng bảo hộ nhãn hiệu độc quyền đối với sản phẩm dầu nhớt.

3. TP. Long Xuyên

- Tham mưu UBND Thành phố ban hành: ⁽¹⁾Báo cáo kết quả thực hiện hoạt động KH&CN năm 2021, phương hướng thực hiện nhiệm vụ năm 2022; ⁽²⁾Báo cáo kết quả thực hiện năm 2021 Kế hoạch phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao và phương hướng thực hiện nhiệm vụ năm 2022; ⁽³⁾Danh mục đăng ký thực hiện 04 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở năm 2021 (đợt 2); ⁽⁴⁾Thông báo đề xuất đặt hàng nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh năm 2022 - 2023; ⁽⁵⁾Kế hoạch và dự toán kinh phí hoạt động KH&CN năm 2022.

- Tiếp tục theo dõi dự án "Sản xuất thử nghiệm máy sản xuất bê tông ứng sức trước (dự ứng lực)" (hỗ trợ kinh phí theo Quyết định số 71/2019/QĐ-UBND ngày 23/12/2019 của UBND tỉnh An Giang về Ban hành quy định hỗ trợ thúc đẩy hoạt động chuyển giao, ứng dụng, đổi mới công nghệ trên địa bàn tỉnh An Giang).

(xem tiếp trang 51)

KẾT QUẢ THANH TRA, KIỂM TRA NĂM 2021

Thực hiện Quyết định số 314/QĐ-SKHHCN ngày 16/12/2020 của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ về việc phê duyệt Kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp năm 2021 và Quyết định 317/QĐ-SKHHCN ngày 16/12/2020 của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ về việc phê duyệt Kế hoạch thanh tra, kiểm tra năm 2021. Trong năm 2021, Sở Khoa học và Công nghệ tiến hành thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp đạt được kết quả như sau:

Do tình hình dịch bệnh viêm đường hô hấp cấp Covid-19 diễn biến phức tạp nên trong năm 2021, Sở Khoa học và Công nghệ thực hiện các cuộc thanh tra chuyên ngành về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng và ghi nhãn hàng hóa trong kinh doanh xăng dầu; cuộc chuyên ngành về an toàn bức xạ và sử dụng phương tiện đo nhóm 2 trong lĩnh vực y tế; cuộc thanh tra hành chính và phòng chống tham nhũng; cuộc thanh tra chuyên ngành về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng trong kinh doanh xăng dầu (đốt xuất); cuộc kiểm tra về đo lường phương tiện đo nhóm 2 là tiêu cự kính mắt.

* Công tác thanh tra

Tổng số cuộc thực hiện 02 cuộc (Lĩnh vực được thanh tra là Y tế và xăng, dầu) với 12 tổ chức và 03 cá nhân. Trong đó có 02 tổ chức có hành vi vi phạm bán dầu DO 0,05S-II và xăng RON 95-III có chất lượng không phù hợp với Quy chuẩn kỹ thuật tương ứng (QCVN 01:2015/BKHCN ngày 11/11/2015), đã tiến hành xử phạt vi phạm hành chính đối với 02 tổ chức vi phạm.

* Công tác kiểm tra

Thực hiện 01 cuộc kiểm tra về đo lường phương tiện đo nhóm 2 là tiêu cự kính mắt đối với 12 hộ kinh doanh mắt kính trên địa bàn tỉnh (gọi chung là cơ sở). Kết quả: Có 13 phương tiện đo tiêu cự kính mắt sử dụng trong hoạt động kinh doanh nhưng không có chứng chỉ kiểm định theo quy định. Đoàn kiểm tra đã đề nghị các cơ sở thực hiện việc kiểm định phương tiện đo theo quy định, cam kết khắc phục và ban hành Thông báo tạm dừng hoạt động đo lường không phù hợp gửi đến các cơ sở kinh doanh vi phạm và gửi Phòng Kinh tế/Kinh tế - Hạ tầng huyện, thị xã, thành phố, các đơn vị phối hợp và chính quyền địa phương để biết. Trong đó, yêu cầu các cơ sở vi phạm có trách nhiệm thực hiện các biện pháp xử lý, khắc phục và chỉ được phép tiếp tục sử dụng phương tiện đo nêu trên trong hoạt động kinh doanh nếu đã thực hiện hành động khắc phục đạt yêu cầu.

* Công tác khảo sát chất lượng sản phẩm, hàng hóa

Thực hiện 06 cuộc khảo sát chất lượng hàng hóa lưu thông trên thị trường đối với 85 tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh xăng dầu, dầu nhớt động cơ đốt trong, trà và cà phê. Kết quả:

- 34/34 mẫu xăng có chất lượng đạt yêu cầu (kiểm tra bằng máy kiểm nhanh).

- Mua 21 mẫu dầu nhớt động cơ đốt trong, 15 mẫu xăng, 03 mẫu trà và 05 mẫu cà phê gửi thử nghiệm chất lượng tại Trung tâm Kỹ thuật



Khảo sát ghi nhãn hàng hoá đồ chơi trẻ em

Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Cần Thơ. Kết quả: Có 12 mẫu không đạt yêu cầu về chất lượng (01 mẫu xăng, 10 mẫu dầu nhớt động cơ đốt trong và 01 mẫu cà phê) và 01 mẫu dầu nhớt động cơ đốt trong có nhãn ghi thông tin gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng. Chi cục TCĐLCL đã mời đại diện các doanh nghiệp liên quan đến để làm việc và yêu cầu cam kết khắc phục (còn 04 mẫu xăng E5 RON 92-II; 11 mẫu xăng RON 95-III, 05 mẫu dầu điêzen và 05 mẫu dầu nhớt động cơ đốt trong chưa có kết quả thử nghiệm).

*** Công tác phối hợp thanh tra, kiểm tra**

Phối hợp với Đội Quản lý thị trường số 1 xử lý 02 vụ việc có liên quan đến tình trạng đo lường trong kinh doanh xăng dầu.

Tham gia Đoàn kiểm tra Liên ngành tỉnh, kiểm tra mặt hàng xăng dầu lưu thông trên thị trường (theo QĐ 2621/QĐ-UBND ngày 31/10/2019 của UBND tỉnh). Kết quả: Đoàn kiểm tra liên ngành tỉnh đã kiểm tra 15 doanh nghiệp, lấy 09 mẫu DO 0,05S, 10 mẫu RON 95-III, trong 19 mẫu xăng, dầu có 01 mẫu xăng không đạt yêu cầu (vụ việc cụ thể do Đội Quản lý thị trường số 1 tiến hành xử lý).

*** Công tác tuyên truyền và vận động**

Qua công tác thanh tra, kiểm tra, khảo sát đã phòng ngừa, phát hiện và xử lý kịp thời các hành vi phạm pháp luật, đồng thời góp phần tuyên truyền các cơ sở hoạt động sản xuất, kinh doanh thực hiện theo quy định pháp luật; phát hiện những sơ hở, bất cập trong công tác quản lý để kiến nghị cấp có thẩm quyền khắc phục, sửa đổi để hoàn thiện cơ chế, chính sách, pháp luật; giúp cơ sở sản xuất, kinh doanh thực hiện đúng quy định pháp luật để bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của cơ sở sản xuất, kinh doanh và người tiêu dùng.

Nhìn chung, được sự quan tâm chỉ đạo của các cấp và sự phối hợp chặt chẽ của các sở, ngành, do đó trong quá trình triển khai, thực hiện thanh tra, kiểm tra, giám sát, hoạt động thanh tra, kiểm tra được thực hiện theo đúng quy định pháp luật; bảo đảm chính xác, khách quan, trung thực, kịp thời, không trùng lặp về phạm vi, đối tượng thanh tra, không xảy ra phản ánh, khiếu nại, tố cáo hoặc tiêu cực trong suốt quá trình thực hiện thanh tra./.

Tiếp Thu



HỘI THI SÁNG TẠO KỸ THUẬT TỈNH AN GIANG LẦN THỨ XII (2020 - 2021)

Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh được UBND tỉnh giao là Cơ quan Thường trực tổ chức Hội thi Sáng tạo kỹ thuật tỉnh An Giang lần thứ XII (2020 - 2021). Hội thi nhằm thúc đẩy phong trào thi đua lao động sáng tạo trong công nhân, nông dân, các nhà khoa học và nhà quản lý, đặc biệt quan tâm phong trào tuổi trẻ sáng tạo; phát hiện tài năng sáng tạo; ứng dụng có hiệu quả các giải pháp kỹ thuật vào sản xuất và đời sống góp phần phát triển KT-XH, phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa tỉnh An Giang. Hội thi cũng góp phần hưởng ứng tích cực Hội thi Sáng tạo Kỹ thuật toàn quốc lần thứ 16 (2020 - 2021).

Qua 02 năm triển khai Hội thi Sáng tạo kỹ thuật tỉnh An Giang lần thứ XII (2020 - 2021), Ban Tổ chức Hội thi nhận được 87 đề tài/giải pháp dự thi, các giải pháp dự thi tập trung vào 04 lĩnh vực: Công nghệ thông tin, điện tử, viễn thông; Cơ khí, tự động hoá, xây dựng, giao thông và vận tải; Nông lâm ngư nghiệp, tài nguyên và môi trường; Giáo dục & đào tạo và một số giải pháp thuộc lĩnh vực khác. Căn cứ Thẻ lệ Hội thi và kết quả chấm điểm của Hội đồng giám khảo chuyên môn, Ban Tổ chức đã trao giải, khen thưởng cho 25 đề tài/giải pháp đạt giải gồm 02 giải nhất, 03 giải nhì, 05 giải ba và 15 giải khuyến khích. Các giải pháp đạt giải đều mang tính thực tiễn, có tính sáng tạo, có hiệu quả KT-XH cao, đã và đang

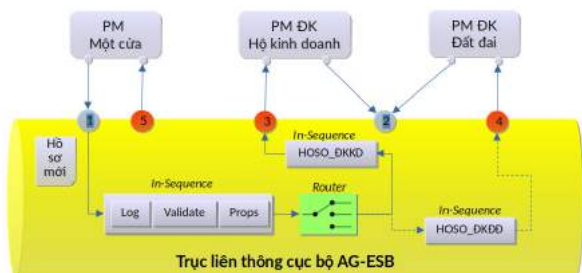


Giải pháp "Cải tiến xe gắn máy sử dụng xăng kết hợp điện" đồng giải nhất

được áp dụng vào sản xuất và đời sống. Hai giải nhất là đề tài/giải pháp tiêu biểu được hội đồng giám khảo đánh giá cao, gồm “Trục liên thông AG-ESB phục vụ xây dựng chính quyền điện tử một tỉnh thành” của nhóm tác giả Khoa CNTT&TT - Trường Đại học Cần Thơ; “Cải tiến xe gắn máy sử dụng xăng kết hợp điện” của tác giả Lý Vinh, Trường THPT Châu Văn Liêm, TT. Mỹ Luông, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Nhìn chung, Hội thi Sáng tạo kỹ thuật tỉnh An Giang lần thứ XII (2020 - 2021) được triển khai với hình thức thích hợp và thu hút được nhiều nhà khoa học, cán bộ quản lý, doanh nghiệp, giảng viên đại học, giáo viên, sinh viên, công nhân và nông dân trong toàn tỉnh tham gia. Đa số các giải pháp dự thi được hình thành từ thực tế học tập, nghiên cứu, lao động và sản xuất, cho nên các giải pháp mang tính thực tiễn, có tính sáng tạo, có hiệu quả KT-XH cao, đã và đang được áp dụng vào sản xuất và đời sống. Đồng thời, được sự quan tâm chỉ đạo của lãnh đạo tỉnh, sự hưởng ứng nhiệt tình của các sở, ban, ngành, các tổ chức đoàn thể, báo đài, trường và sự tham gia tích cực của các cá nhân, tập thể đã mang lại sự thành công cho Hội thi sáng tạo kỹ thuật tỉnh An Giang lần thứ XII (2020 - 2021)/.

Nguyễn Thị Thúy Hằng



Giải pháp "Trục liên thông AG-ESB phục vụ xây dựng chính quyền điện tử một tỉnh thành" đạt giải nhất

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỔ CHỨC LÀM VIỆC VỚI ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH



Quang cảnh buổi họp giữa Sở KH&CN An Giang với Đại học Quốc gia TP.HCM

Ngày 03/12/2021 Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức cuộc họp “Trao đổi, thống nhất Kế hoạch Hoạt động khoa học, công nghệ và ĐMST giữa Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh và tỉnh An Giang năm 2022” nhằm triển khai kịp thời, có hiệu quả thỏa thuận hợp tác giữa UBND tỉnh An Giang với Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và ĐMST năm 2022 và định hướng cho những năm tiếp theo.

Tham dự cuộc họp, về phía Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh An Giang có ông Tăng Phú An – Giám đốc Sở và lãnh đạo các phòng, đơn vị của Sở; về phía Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh có PGS.TS Nguyễn Văn Hiếu - Phó Trưởng Ban Ban KH&CN và lãnh đạo các trường thành viên như Đại học Bách Khoa, Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Công

nghệ Thông tin, Đại học An Giang, Khu Công nghiệp phần mềm và các đơn vị có liên quan.

Tại buổi làm việc ông Tăng Phú An đã giới thiệu sơ bộ về kết quả đạt được trong việc hợp tác với Đại học Quốc gia TP.HCM trong thời gian qua cũng như trình bày về định hướng cho phát triển của địa phương trong thời gian tới như tập trung vào công nghiệp chế nông sản, công nghiệp nông thôn vừa sản xuất sản phẩm phục vụ tại chỗ và phục vụ du lịch; thúc đẩy hoạt động phát triển du lịch nhằm khai thác được tiềm năng của tỉnh về địa hình, khí hậu, di sản; nâng cao năng lực hoạt động KHCN cấp cơ; xây dựng An Giang thành trung tâm ĐMST của vùng; hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng lực ứng dụng khoa học công nghệ vào hoạt động sản xuất kinh doanh; phấn đấu đến năm 2030 An Giang sẽ là trung tâm sản xuất giống cá tra chất lượng cao và giống rau màu dược liệu quy mô vùng; đẩy mạnh hoạt



động phát triển tài sản SHTT gắn với địa danh, sản phẩm đặc trưng của tỉnh. Tại buổi làm việc, Giám đốc Sở cũng nêu ra quan điểm của tỉnh là lấy doanh nghiệp làm trọng tâm trong hoạt động ứng dụng thành tựu khoa học công nghệ nên sẽ tập trung vào chuyển giao công nghệ, nghiên cứu ứng dụng những năm tiếp theo.

Về phía Đại học Quốc gia TP.HCM cũng đã trình bày về các thế mạnh của từng trường thành viên, các công nghệ đã nghiên cứu thành công và có thể triển khai áp dụng tại tỉnh An Giang, sẽ tăng cường hợp tác với tỉnh trong công tác đào tạo các chuyên gia về về khởi nghiệp ĐMST, ứng dụng công nghệ thông tin trong sản xuất và quản lý; phối hợp trong hoạt động chuyển giao công nghệ vào áp dụng thực tiễn, tăng cường hỗ trợ An Giang về việc thẩm định, đánh giá các công trình nghiên cứu, tăng

cường phối hợp trong việc đẩy mạnh phát triển tài sản trí tuệ của địa phương.

Phát biểu kết luận buổi làm việc ông Tăng Phú An mong muốn trong thời gian tới Đại học Quốc gia tạo điều kiện để tỉnh An Giang có thể tiếp cận được cơ sở dữ liệu khoa học công nghệ của đơn vị nhằm chuyển giao cho doanh nghiệp ứng dụng nhiều hơn. Tăng cường hơn việc ứng dụng chuyển giao và đào tạo các chuyên gia cho từng lĩnh vực. Có một kênh kết nối chính thống và có phân công cụ thể công việc, một đầu mối để giới thiệu, tìm hiểu về các kết quả nghiên cứu,... cũng như đề nghị Trung tâm Sáng tạo khoa học kỹ thuật của Trường Đại học KHTN nhanh chóng hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực làm công tác khởi nghiệp, ĐMST cho địa phương./.

Danh Tướng

(tiếp theo trang 46)

- Tiếp tục hỗ trợ chủ nhiệm các mô hình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao gắn với phát triển sản xuất được hỗ trợ từ nguồn kinh phí Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2020 hoàn chỉnh báo cáo nghiệm thu.

4. TX. Tân Châu

- Thành lập Hội đồng KH&CN nghiệm thu 02 nhiệm vụ KHCN cấp cơ sở năm 2020-2021 (đợt 2): ⁽¹⁾Đánh giá mức độ hoạt động thể lực và một số yếu tố liên quan của người bệnh đái tháo đường type 2 điều trị ngoại trú tại Bệnh viện đa khoa khu vực Tân Châu năm 2021 do Trung tâm Y tế TX. Tân Châu chủ trì, Bs. Đào Hoàng Giang làm chủ nhiệm, kết quả

đạt 83,12 điểm - xếp loại Khá; ⁽²⁾Thử nghiệm giá thể trồng dưa lưới từ bã thải sau khi trồng nấm rơm do Trạm Trồng trọt và BVTV TX. Tân Châu chủ trì, KS. Tôn Hồng Tân làm chủ nhiệm, kết quả đạt 89,5 điểm - xếp loại Khá.

- Các mô hình về nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đang triển khai thực hiện tại địa phương: Mô hình ứng dụng hệ thống tưới phun điều khiển từ xa bằng điện thoại di động; mô hình ươm cây giống và trồng hoa kiểng trong nhà màng, mô hình trồng măng cầu ta; mô hình trồng dưa lê bạch kim đang sinh trưởng và phát triển tốt, đáp ứng thị trường Tết năm 2022./.

Phòng Kế hoạch tài chính
Sở Khoa học và Công nghệ An Giang

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỔ CHỨC HỘI ĐỒNG NGHIỆM THU DỰ ÁN

Ngày 31/12/2021, Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức Hội đồng KH&CN nghiệm thu dự án “Ứng dụng quy trình sản xuất giống cá chạch lấu (*Mastacembelus favus*) theo quy mô nông hộ tại tỉnh An Giang” do ThS. Ngô Thị Hạnh chủ nhiệm, Trung tâm Giống thủy sản An Giang làm đơn vị chủ trì. Hội đồng do bà Hoàng Thị Thanh Thủy làm chủ tịch Hội đồng và các ủy viên là đại diện Văn phòng UBND tỉnh; Hiệu trưởng trường Trung cấp nghề Dân tộc nội trú An Giang; Chi cục Thủy sản An Giang; Hội nông dân tỉnh; Sở Công Thương; Chủ tịch Hiệp hội nghề nuôi và chế biến thủy sản tỉnh An Giang và các phòng chuyên môn thuộc Sở cùng tham dự.

Qua 24 tháng đơn vị chủ trì và chủ nhiệm thực hiện dự án đạt được những kết quả như sau:

- Dự án xây dựng 04 điểm sản xuất giống cá chạch lấu trên địa bàn 04 huyện gồm huyện Thoại Sơn, Thành phố Long Xuyên, huyện Châu Thành và huyện Phú Tân. Với kết quả đạt được như sau: Tỷ lệ thành thực của cá bố mẹ đạt 72,33-82,67% (mục tiêu 70-80%); tỷ lệ thụ tinh 60 – 91% (mục tiêu $\geq 50\%$), tỷ lệ nở 50 – 75% (mục tiêu $\geq 50\%$). Sau 75 – 90 ngày ương cá chạch lấu giống có chiều dài từ 10,59 – 11,02 cm/con (mục tiêu 10-12 cm), tỷ lệ sống 30,67 – 61,99% (mục tiêu 20-30%), số lượng cá giống đạt 387.000 con (mục tiêu 160.000 con). Các thông số kỹ thuật đều đạt và vượt so với mục tiêu đề ra của dự án;

- Dự án đã xây dựng được một quy trình sản xuất giống cá chạch lấu theo quy mô nông hộ.

- Tổ chức 02 lớp tập huấn kỹ thuật sản xuất



Hội đồng KH&CN nghiệm thu dự án

giống cá chạch lấu; số lượng 40 học viên.

- Trung tâm đã tiến hành gửi 60 bản báo cáo tóm tắt dự án đến các đơn vị trong ngành và cá nhân nuôi trồng thủy sản trong tỉnh. Đồng thời, phối hợp với Báo An Giang, Đài Truyền hình An Giang đã đăng bài tóm tắt kết quả thực hiện dự án trên trang báo An Giang số 6192 vào ngày 4/11/2021 và trên trang Web báo An Giang, trang Web Đảng bộ tỉnh An Giang để phổ biến kết quả dự án rộng rãi hơn.

Sau khi nghe chủ nhiệm dự án báo cáo kết quả đạt được, các thành viên Hội đồng đã trao đổi thảo luận làm rõ một số vấn đề và chủ nhiệm dự án cần bổ sung chỉnh sửa theo ý kiến góp ý của các thành viên Hội đồng.

Kết quả Hội đồng đã đã bỏ phiếu chấm chọn thống nhất nghiệm thu dự án với kết quả đạt loại khá. Đồng thời, chủ nhiệm cần phải hoàn chỉnh bổ sung những ý kiến góp ý của Hội đồng gửi về Sở Khoa học và Công nghệ để tiến hành các thủ tục tiếp theo./.

Tiếp Thu

(Nguồn: Website Sở KH&CN An Giang)

THẨM ĐỊNH CÔNG NGHỆ ĐỐT CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT CỦA “DỰ ÁN XỬ LÝ CHẤT THẢI RẮN CỤM LONG XUYÊN”

Ngày 30/12/2021, Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh An Giang đã tổ chức Hội đồng KH&CN thẩm định công nghệ đốt chất thải rắn sinh hoạt của “Dự án Xử lý chất thải rắn cụm Long Xuyên” do Công ty Cổ phần Xây dựng Thương mại & Đầu tư Huy Ngọc Hưng làm chủ đầu tư.

Hội đồng do ThS. Hoàng Thị Thanh Thủy - PGĐ Sở Khoa học và Công nghệ làm Chủ tịch cùng các ủy viên đến từ Vụ Đánh giá, Thẩm định và Giám định công nghệ - Bộ KH&CN, trường Đại học Cần Thơ, trường Đại học An Giang, Trung tâm Ứng dụng tiến bộ KH&CN An Giang, Sở Tài nguyên và Môi trường, Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang, và đại biểu đại diện cho Sở Xây dựng, phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Châu Thành cùng tham dự.

Dự án Xử lý chất thải rắn cụm Long Xuyên có tổng mức đầu tư là 242.453.917.000 đồng theo dạng Hợp đồng BLT, thời hạn vận hành, kinh doanh là 24 năm kể từ ngày dự án đi vào vận hành chính thức, công suất dự án 300 tấn/ngày.đêm được xây dựng tại Lô E1 và E2 Khu liên hợp xử lý chất thải rắn cụm Long Xuyên (xã Bình Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang).

Dây chuyền công nghệ xử lý chất thải rắn sinh hoạt bằng phương pháp đốt được Công ty Cổ phần Công nghệ môi trường Envic thiết kế, cung cấp và lắp đặt theo hợp đồng chuyển giao công nghệ của Trung tâm nghiên cứu ứng dụng công nghệ mới và môi trường theo kết quả của dự án cấp nhà nước “Hoàn thiện và chế tạo lò đốt rác thải sinh hoạt có công suất 6 tấn/



Hội đồng KH&CN thẩm định công nghệ

giờ có thu hồi nhiệt” đã được nghiệm thu và đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN sử dụng ngân sách nhà nước tại Cục Thông tin KH&CN Quốc gia. Kết quả này đã được triển khai ứng dụng vào thực tiễn tại một số địa phương: Hà Nội, Thái Bình, Hà Nam, Hà Tĩnh, Hưng Yên, Thanh Hóa. Ngoài ra, dây chuyền công nghệ xử lý chất thải rắn sinh hoạt bằng phương pháp đốt được Bộ Xây dựng chứng nhận hợp quy theo Quyết định số 62/QĐ-BXD ngày 18/01/2012.

Sau khi nghe đại diện Công ty Cổ phần Công nghệ môi trường Envic - đơn vị chuyển giao công nghệ trình bày báo cáo dây chuyền công nghệ sử dụng trong dự án, các thành viên Hội đồng ủng hộ dự án được thực hiện và đánh giá Công nghệ đốt chất thải rắn sinh hoạt của Công ty Cổ phần Công nghệ môi trường Envic là một trong những công nghệ hiện đại nhất do Việt Nam thiết kế, lắp đặt./

Trương Khương

(Nguồn: Website Sở KH&CN An Giang)

10 SỰ KIỆN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM NỔI BẬT NĂM 2021

Ngày 28/12/2021, Câu lạc bộ Nhà báo KH&CN Việt Nam đã công bố kết quả cuộc bình chọn 10 sự kiện KH&CN nổi bật năm 2021. Đây là năm thứ 16 Câu lạc bộ Nhà báo KH&CN Việt Nam tổ chức bình chọn sự kiện này.

Lễ công bố 10 sự kiện KH&CN nổi bật năm 2021

1. Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII Đảng Cộng sản Việt Nam xác định “khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo” là một trong các đột phá chiến lược

Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đưa ra 3 nhóm giải pháp đột phá chiến lược để tiếp tục phát triển đất nước nhanh và bền vững. Ở nhóm thứ 2, Nghị quyết nêu rõ: “Phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao; ưu tiên phát triển nguồn nhân lực cho công tác lãnh đạo, quản lý và các lĩnh vực then chốt trên cơ sở nâng cao, tạo bước chuyển biến mạnh mẽ, toàn diện, cơ bản về chất lượng giáo dục, đào tạo gắn với cơ chế tuyển dụng, sử dụng, đãi ngộ nhân tài, đẩy mạnh nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng và phát triển mạnh khoa học - công nghệ, ĐMST; khơi dậy khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc, phát huy giá trị văn hóa, sức mạnh con người Việt Nam, tinh thần đoàn kết, tự hào dân tộc trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”. Đây là lần đầu tiên, Văn kiện Đại hội Đảng xác định “khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo” là một trong các đột phá chiến lược để xây dựng và phát triển đất nước. Qua đó khẳng định, “khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo” không chỉ là động lực mà còn là trụ cột cho phát triển KT-XH của Việt Nam.



Lễ công bố 10 sự kiện KH&CN nổi bật năm 2021

2. Hội thảo quốc tế Việt Nam học lần thứ 6

Hội thảo quốc tế Việt Nam học lần thứ 6 với chủ đề “Việt Nam chủ động hội nhập và phát triển bền vững”, diễn ra trong 02 ngày 28 và 29/10/2021, bằng hình thức trực tiếp kết hợp trực tuyến, thu hút sự tham dự của 600 nhà nghiên cứu trong nước và quốc tế, trao đổi về 10 lĩnh vực trọng tâm. Hội thảo do Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam và Đại học quốc gia Hà Nội phối hợp tổ chức. Ban Tổ chức hội thảo đã nhận được 730 tham luận của các học giả, chuyên gia, các nhà khoa học trong nước và quốc tế, trong đó chọn được 400 bài tham luận để đưa vào kỷ yếu và 120 báo cáo toàn văn. Các báo cáo thể hiện trên các lĩnh vực: Lịch sử, kinh tế, chính trị, quan hệ quốc tế, văn hóa, xã hội, môi trường...

3. Công trình khoa học Việt Nam giành giải đặc biệt - Giải thưởng ĐMST châu Á

Công trình “Phát triển và ứng dụng hệ cảm biến sinh học để xác định nhanh nồng độ chất ô nhiễm hữu cơ (BOD) và độ đục trong nước” do nhóm nghiên cứu của TS. Phạm Thị Thùy Phương (thuộc Viện Công nghệ hóa học, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam) thực hiện, đã giành giải đặc biệt (Best Innovation Award) của Giải thưởng ĐMST

châu Á (Asia Innovation Award) năm 2021. Giải thưởng vinh danh nghiên cứu của TS. Phạm Thị Thùy Phương và các cộng sự vì đã tạo ra hệ nghiên cứu cảm biến sinh học cho phép xác định giá trị BOD và độc tính trong nước chính xác với hệ số biến thiên thấp, thời gian phân tích nhanh, dễ sử dụng... để xác định nhanh chất lượng nước thải.

4. Mô hình thành phố thông minh của Viettel được công nhận hiệu quả và sáng tạo nhất thế giới

Ngày 26/10/2021, Ban tổ chức Giải thưởng Truyền thông thế giới (World Communication Awards) 2021 đã công bố mô hình thành phố thông minh do Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông quân đội (Viettel) phát triển là hiệu quả và sáng tạo nhất thế giới. Viettel là doanh nghiệp Việt Nam duy nhất có trong danh mục đề cử và chiến thắng tại Giải thưởng này, vượt lên các tên tuổi lớn như China Telecom Global, KT Corporation, ZARIOT secured SIMs trong cùng hạng mục. Giải thưởng thành phố thông minh (The Smart Cities Award) là hạng mục nhằm tìm kiếm một giải pháp hoạt động hiệu quả và sáng tạo, đem lại lợi ích cho người dân và doanh nghiệp hướng tới cải thiện chất lượng cuộc sống cho người dân và tăng hiệu quả điều hành của chính quyền thành phố.

5. Công trình kè chống sạt lở bờ biển huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Công trình kè chống sạt lở bờ biển khu du lịch khu vực Làng Chài, xã Phước Thuận, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu vừa được nghiệm thu bàn giao và đưa vào sử dụng giai đoạn 3 với tổng chiều dài khoảng 1,3km. Với công nghệ mới, giải pháp kỹ thuật, sản phẩm tiên tiến, biện pháp thi công kè phù hợp của Công ty cổ phần Khoa học công nghệ Việt Nam (Busadco) đã trị được sóng, gió, dòng chảy, bảo vệ bờ một cách ổn định, bền vững, bảo đảm khả năng chống ăn mòn trong

môi trường biển, đáp ứng được yêu cầu phòng chống thiên tai trong điều kiện ứng phó với biến đổi khí hậu, mực nước biển dâng. Công trình đáp ứng được yêu cầu quy hoạch dự án đầu tư xây dựng các công trình kiên cố phía sau kè phải đạt cốt nền xây dựng là $> +2,5\text{m}$.

6. Áo hạ nhiệt, chống nóng cho nhân viên y tế phòng, chống dịch Covid-19

Tháng 6/2021, mẫu áo hạ nhiệt dành cho nhân viên y tế đã được nhóm kỹ sư Viện Ứng dụng Công nghệ (Bộ Khoa học và Công nghệ), nghiên cứu và đưa vào sản xuất thử nghiệm. Trưởng nhóm nghiên cứu là PGS. Mai Anh Tuấn, hiện công tác tại Khoa Điện tử Viễn Thông - Trường Đại học Công nghệ - Đại học Quốc gia Hà Nội. Áo được thiết kế dạng áo gi-lê, mặc ngoài đồng phục y tế hoặc bên trong lớp áo bảo hộ y tế (PPE) để hỗ trợ làm mát cho nhân viên y tế trong quá trình làm việc, lấy mẫu bệnh phẩm hoặc điều trị người bệnh. Áo được làm từ vải không dệt, tráng Polyphenyl Ether (có tác dụng chống nước và “biết thở”).

7. “Mũ cách ly di động” Việt Nam được WIPO vinh danh

Ngày 29/11/2021, tại trụ sở Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới (WIPO) ở Geneva, Thụy Sĩ, nhóm sáng chế “mũ cách ly di động” Vihelm gồm 3 bạn trẻ Việt Nam (Đỗ Trọng Minh Đức, Trần Nguyễn Khánh An và Nguyễn Hoàng Phúc) đã được trao tặng danh hiệu Đại sứ giới trẻ SHTT của WIPO. Vihelm được thiết kế trên nguyên lý hoạt động của mặt nạ có tên PAPR, lọc không khí với các tiêu chuẩn được toàn cầu công nhận và có độ an toàn gấp 100 lần so với khẩu trang N99.

Sản phẩm mũ Vihelm đã được đăng ký bản quyền SHTT tại Việt Nam và bảo hộ quốc tế, được Bộ Y tế Việt Nam công nhận đạt chuẩn nhóm A và được phép lưu hành trên thị trường.

8. Giáo sư, Viện sĩ Châu Văn Minh được Pháp và Belarus vinh danh



Sản xuất mũ cách ly di động

Năm 2021, Giáo sư, Viện sĩ Châu Văn Minh - Chủ tịch Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam vinh dự nhận Huân chương Bắc đẩu Bội tinh của Cộng hòa Pháp và Huy chương của Viện Hàn lâm Khoa học Quốc gia Belarus vì những thành tích xuất sắc trong khoa học và đóng góp không ngừng trong thúc đẩy hợp tác khoa học công nghệ với các nước này. Huân chương Bắc đẩu Bội tinh là Huân chương cao quý, lâu đời và danh giá bậc nhất của Nhà nước Pháp trao cho những cá nhân, tổ chức có đóng góp đặc biệt cho nhà nước Pháp. Giáo sư, Viện sĩ Châu Văn Minh là người Việt Nam đầu tiên hoạt động trong lĩnh vực khoa học tự nhiên và công nghệ được trao Huân chương Bắc đẩu Bội tinh của nước Pháp.

9. Vải thiều Lục Ngạn và thanh long Bình Thuận được Nhật Bản cấp Bằng bảo hộ chỉ dẫn địa lý

Ngày 16/3/2021, Bộ Nông - Lâm - Ngư nghiệp Nhật Bản đã cấp Bằng bảo hộ chỉ dẫn địa lý đối với vải thiều Lục Ngạn của tỉnh Bắc

Giang. Đây là sản phẩm nông sản đầu tiên của Việt Nam được cấp Bằng chỉ dẫn địa lý tại Nhật Bản. Việc được cấp Bằng bảo hộ chỉ dẫn địa lý tạo điều kiện thuận lợi cho vải thiều Lục Ngạn xuất khẩu sang Nhật Bản và mở rộng tiêu thụ vào các thị trường khác có quy định nhập khẩu khắt khe tương tự.

Sau vải thiều Lục Ngạn, ngày 07/10/2021, Bộ Nông - Lâm - Ngư nghiệp Nhật Bản cấp Bằng bảo hộ chỉ dẫn địa lý cho thanh long Bình Thuận. Việc được bảo hộ chỉ dẫn địa lý tại Nhật Bản có ý nghĩa khẳng định uy tín thanh long Bình Thuận vào thị trường Nhật Bản và mở ra nhiều cơ hội mới cho việc xuất khẩu, tiêu thụ thanh long Bình Thuận ở nhiều thị trường khác nhau, nhất là tại các thị trường khó tính (châu Âu, Hàn Quốc, New Zealand...).

10. Ấn tượng TECHFEST 2021

Sau 3 tháng phát động, Chương trình “Ngày hội Khởi nghiệp Đổi mới sáng tạo quốc gia - TECHFEST Việt Nam 2021” đã bế mạc ngày 15/12 với những con số ấn tượng. Trong bối cảnh đại dịch Covid-19 diễn ra phức tạp, triển lãm trực tuyến Techfest247 đã được ủng hộ nhiệt tình của cộng đồng, thu hút hơn 2,5 triệu lượt người tham dự trực tiếp và trực tuyến, hơn 120 sự kiện đã được tổ chức. Nền tảng Techfest 247 đã có 997 gian hàng, 711 sản phẩm đăng ký giao thương, 11.558 lượt tham quan. Đặc biệt với chuỗi hoạt động kết nối đầu tư đã hỗ trợ gần 350 startup tiếp cận hơn 100 nhà đầu tư và quỹ đầu tư trong nước, quốc tế và tổng số tiền quan tâm đầu tư là hơn 15 triệu USD./.

P.A.T (NASATI)

Nguồn: Website Cục Thông tin KH&CN quốc gia

Ban biên tập Bản tin KH&CN An Giang kính mong bạn đọc tham gia góp ý xây dựng để Bản tin ngày càng phát triển, đáp ứng nhiệm vụ tuyên truyền và nhu cầu thông tin của bạn đọc. Mọi ý kiến, góp ý vui lòng gửi đến:

- Địa chỉ: Số 269A Nguyễn Thái Học, phường Mỹ Hòa, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

- Điện thoại: 0939 007676 (Hà Thị Mỹ Trang - Thư ký)

- Email: bantinkhcnag@gmail.com

Chân thành cảm ơn!

In 550 cuốn, khổ 19x27cm tại Công ty CP In An Giang. Giấy phép xuất bản số 01/GP-XBBT ngày 11/01/2022 của Sở Thông tin và Truyền thông An Giang. In xong nộp lưu chiểu tháng 01/2022.

THÔNG BÁO

Đề xuất đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh năm 2022 – 2023

Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh An Giang thông báo đề xuất, đặt hàng nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh trên địa bàn tỉnh An Giang năm 2022 - 2023 như sau:

1. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đề xuất, đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ nhằm phát triển các ngành, các địa phương, các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh An Giang.
2. Một số hướng đề xuất ưu tiên, tập trung:
 - Tiềm năng và giải pháp phát triển nông nghiệp bền vững cho các vùng sinh thái đặc thù của tỉnh An Giang.
 - Tiềm năng và giải pháp phát triển du lịch tỉnh An Giang.
 - Nghiên cứu sản xuất giống chất lượng cao phục vụ chương trình xây dựng thương hiệu rau màu và cây ăn trái tỉnh An Giang.
 - Nghiên cứu nâng cao năng suất, chất lượng, kết hợp chế biến đa dạng hóa sản phẩm và phát triển thị trường cho các sản phẩm nông nghiệp chủ lực của tỉnh An Giang như: lúa - nếp, rau màu, nấm, dược liệu, cây ăn quả; heo, bò; trứng gia cầm; cá tra, cá lóc, tôm càng xanh toàn đực,...
 - Ứng dụng các thành tựu cách mạng công nghệ 4.0 nâng cao năng lực quản lý, sản xuất và minh bạch sản phẩm hàng hóa tỉnh An Giang.
 - Nghiên cứu các biện pháp kỹ thuật, giải pháp quản lý phòng chống dịch Covid 19 trên địa bàn tỉnh An Giang;
 - Nghiên cứu các biện pháp kỹ thuật, giải pháp quản lý trong tổ chức giảng dạy, tuyên truyền linh hoạt, phù hợp với tình hình dịch Covid 19 trên địa bàn tỉnh An Giang;
 - Thúc đẩy đổi mới sáng tạo và phát huy vai trò của các tài sản trí tuệ trên địa bàn tỉnh An Giang.
 - Nâng cao năng suất lao động và năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh An Giang, định hướng xây dựng và phát triển công nghiệp nông thôn gắn kết với công nghiệp tập trung và phát triển du lịch.

Các biểu mẫu được đăng trên Cổng Thông tin điện tử Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh An Giang tại địa chỉ: <http://sokhcn.angiang.gov.vn/>, mục **Tin tức/Tài liệu và văn bản**.

Thời gian nhận đề xuất: Từ ngày ra thông báo **đến hết ngày 31/02/2022**. Văn bản đề xuất vui lòng gửi về Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh An Giang (thông qua *Phòng Quản lý khoa học*) và đồng thời gửi kèm file đề xuất (định dạng *.doc hoặc *.docx) qua địa chỉ email: sokhcn@angiang.gov.vn hoặc qlkhag@gmail.com để thuận lợi cho việc tổng hợp và đề phòng thất lạc.

Mọi thông tin chi tiết vui lòng liên hệ: *Phòng Quản lý khoa học, Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh An Giang, điện thoại: 0296.3953.990 hoặc email theo địa chỉ: qlkhag@gmail.com.*



THÔNG TIN CẦN BIẾT

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ AN GIANG

ĐƯỜNG DÂY NÔNG TIẾP NHẬN PHÂN ANH VI PHẠM ĐỘ LƯỢNG, CHẤT LƯỢNG TRONG KINH DOANH XĂNG DẦU

📍 269A Nguyễn Thái Học, phường Mỹ Hòa, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

☎️ Chánh Thanh tra: 0918 309806

📞 Cơ quan: (0296) 3852850 hoặc (0296) 3852212

CHI CỤC TIỂU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG

📍 269A Nguyễn Thái Học, phường Mỹ Hòa, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

☎️ (0296) 3955300

🌐 <http://tbtagi.angiang.gov.vn>

TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ SINH HỌC TỈNH AN GIANG

📍 Trụ sở: ấp Vĩnh Phước, thị trấn Vĩnh Bình, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang
VPDD: 269A Nguyễn Thái Học, phường Mỹ Hòa, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

☎️ 0296 6504499

🌐 <https://congnghesinhhoc-biotech.vn>

TRUNG TÂM ỨNG DỤNG TIẾN BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ AN GIANG

📍 17 Lê Lai, phường Mỹ Bình, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

☎️ (0296) 3954305 hoặc (0296) 3954306

🌐 <https://agitech.vn> 🌐 <https://atte.vn>

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ AN GIANG
BẢN TIN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Xuân
Nhâm Dần
2022

*Nhân dịp Xuân Nhâm Dần 2022,
Ban biên tập Bản tin Khoa học và Công nghệ An Giang
kính chúc Quý công tác viên và độc giả
cùng gia đình một năm mới
SỨC KHỎE - THÀNH CÔNG - HẠNH PHÚC*